

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành đào tạo : **Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành**
(Định hướng ứng dụng)

Mã số : 8810103

Tên cơ sở đào tạo : **Trường Đại học Nha Trang**

Trình độ đào tạo : **Thạc sĩ**

Khánh Hòa, 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	5
1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Nha Trang.....	5
1.2. Giới thiệu về khoa Du lịch	6
1.3. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở địa phương và khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên	8
1.4. Lý do đề nghị cho phép Trường Đại học Nha Trang đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.....	12
PHẦN II. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	15
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang.....	15
2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo	15
2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo	19
2.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng	20
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	30
2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo:	30
2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo.....	31
2.3.3. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo	32
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học	41
2.4.1. Đề tài khoa học đã thực hiện	41
2.4.2. Các hướng nghiên cứu Đề án tốt nghiệp và dự kiến người hướng dẫn:	43
2.4.3. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu:.....	44
2.5. Hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.....	44
PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	55
3.1 Chương trình đào tạo	55
3.1.1 Giới thiệu chung.....	55
3.1.2 Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo	55
3.1.3 Tóm tắt chương trình đào tạo	57
3.2 Kế hoạch đào tạo.....	61
3.2.1 Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh 5 năm đầu.....	61
3.2.2 Đối tượng tuyển sinh.....	61
3.2.3 Yêu cầu đối với người dự tuyển	61
3.3 Mô tả các học phần	65
3.4 Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo.....	68
ĐỀ CƯƠNG CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	71
Phần IV CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN.....	130

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Thời gian dự định học Thạc sĩ QTDVDL&LH	9
Bảng 1.2. Nhu cầu các đơn vị kinh doanh, quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo về khu cầu học Thạc sĩ QTDVDL&LH tại Khoa Du lịch.....	10
Bảng 2.1. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học tuyển sinh năm 2021	15
Bảng 2.2. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ và Thạc sĩ	17
Bảng 2.3. Kết quả đào tạo trình độ tiến sĩ đến năm 2020	19
Bảng 2.4. Kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ khối ngành Kinh tế và Quản trị	19
Bảng 2.5. Số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy khối ngành Du lịch,	20
Bảng 2.6. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên	20
Bảng 2.7. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa Du lịch đang học NCS (trợ giảng)23	
Bảng 2.8. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.....	23
Bảng 2.9. Danh sách giảng viên cơ hữu và phân công giảng dạy	25
Bảng 2.10. Danh sách giảng viên thỉnh giảng và phân công giảng dạy	29
Bảng 2.11. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách đào tạo	30
Bảng 2.12. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo	30
Bảng 2.13. Danh mục tài liệu, giáo trình của ngành đào tạo.....	32
Bảng 2.14. Danh mục sách chuyên khảo của ngành đào tạo.....	39
Bảng 2.15. Danh mục tạp chí của ngành đào tạo	41
Bảng 2.16. Danh mục đề tài NCKH đã thực hiện	41
Bảng 2.17. Danh mục các hướng nghiên cứu/chủ đề chính của Đề án/đề án tốt nghiệp43	
Bảng 2.18. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu	44
Bảng 2.19. Danh mục các dự án, chương trình hợp tác Quốc tế của Trường Đại học Nha Trang từ năm 1998 đến nay :	51
Bảng 3.1. Điều kiện về văn bằng và thâm niên công tác chuyên môn.....	61
Bảng 3.3. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:.....	62
Bảng 3.4. Các môn thi tuyển	62
Bảng 3.5. Danh sách các giảng viên phụ trách các học phần.....	62
Bảng 3.6. Phụ trách các hướng nghiên cứu/chủ đề chính của.....	64

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AUF	Tổ chức đại học Pháp ngữ
CBVC	Cán bộ viên chức
CTĐT	Chương trình đào tạo
DN	Doanh nghiệp
ĐHNT	Đại học Nha Trang
GV	Giảng viên
GVC	Giảng viên chính
GVCC	Giảng viên cao cấp
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PGS	Phó giáo sư
QTDVDL&LH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
QTKD	Quản trị kinh doanh
TS	Tiến sĩ
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Nha Trang

Đơn vị chủ trì Đề án mở ngành là trường Đại học Nha Trang - một trường đại học công lập đa ngành, đa lĩnh vực đóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trải qua 61 năm xây dựng và phát triển, Trường đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho ngành thủy sản cả nước và các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, công nghệ của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trường Đại học Nha Trang trước năm 2006 là Trường Đại học Thủy sản, được thành lập ngày 18 tháng 6 năm 1966 theo Quyết định số 155/CP của Thủ tướng Chính phủ. Tiền thân của Trường là Khoa Thủy sản, được thành lập ngày 01/8/1959 tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Trường Đại học Nha Trang có sứ mạng là “Đào tạo nhân lực trình độ cao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, trong đó lĩnh vực thủy sản là thế mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”. Tầm nhìn của Nhà trường “Đến năm 2030 là trường đại học đa lĩnh vực có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hàng đầu khu vực Đông Nam Á về lĩnh vực khoa học thủy sản và một số ngành kinh tế biển”.

Cơ sở chính của Trường Đại học Nha Trang với khuôn viên rộng 24 héc ta, tọa lạc tại một trong những vị trí đẹp nhất bên bờ vịnh Nha Trang, là một địa chỉ văn hóa, khoa học trọng điểm của thành phố biển Nha Trang và tỉnh Khánh Hòa. Trường hiện có 17 khoa, viện đào tạo; 4 viện và trung tâm nghiên cứu - chuyển giao công nghệ và 11 đơn vị quản lý, phục vụ đào tạo.

Về đội ngũ cán bộ và nhân viên cơ hữu, tính đến tháng 31/3/2021, Trường Đại học Nha Trang có tổng số 643 CBVC, trong đó có 473 CBVC là giảng viên (chiếm tỷ lệ 73,6%) và 170 cán bộ là viên chức hành chính, phục vụ (chiếm tỷ lệ 26,4%). Đội ngũ CBVC của Trường có 21 Phó giáo sư (PGS), 133 Tiến sĩ (TS), 343 Thạc sĩ, 21 giảng viên cao cấp (GVCC), 69 giảng viên chính (GVC) và 08 chuyên viên chính, 30 giảng viên (GV) đang làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài, 32 GV đang làm nghiên cứu sinh trong nước. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là

31,92%, tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu là 60,89%. Trên 60% trình độ tiến sĩ đã được đào tạo tại các nước phát triển (Mỹ, Nhật, Pháp, Nga, Na Uy, Úc, Đài Loan, Hàn Quốc...) và trên 50% trình độ thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài.

Về hoạt động đào tạo, tính đến ngày 31/3/2021, Nhà trường có 10 ngành đào tạo tiến sĩ, 15 ngành Đào tạo thạc sĩ (19 chương trình đào tạo chuyên ngành), 36 ngành đào tạo trình độ đại học (50 chương trình đào tạo chuyên ngành). Lưu lượng người học thường xuyên của Trường hơn 20 nghìn sinh viên, trên 350 học viên cao học, và khoảng 15.000 sinh viên chính quy. Qua 61 năm xây dựng và phát triển, đến nay Trường đã đào tạo được trên 75 tiến sĩ, 3.000 thạc sĩ, trên 35.000 kỹ sư, cử nhân đại học. Chương trình đào tạo các trình độ được định kỳ rà soát, cập nhật để không ngừng đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo tính liên thông. Hiện nay, Trường đang hợp tác về đào tạo và nghiên cứu với khoảng 60 trường đại học, viện nghiên cứu của 17 quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

Trường Đại học Nha Trang đã 2 lần đạt chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo nguồn nhân lực bậc cao, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lần 1 vào tháng 2/2009, Trường Đại học Nha Trang là một trong 20 trường đại học đầu tiên của cả nước được Hội đồng Quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Lần 2 vào tháng 3/2018 tiếp tục nhận Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG TP.HCM cấp. Đồng thời, Nhà trường đã có 2 CTĐT ngành Kỹ thuật tàu thủy và ngành Công nghệ chế biến thủy sản đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào tháng 04/2020.

Với 61 năm xây dựng và phát triển cùng với những thành tích đạt được, Nhà trường vinh dự được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, tiêu biểu như: Huân chương Lao động hạng Ba (1981), hạng Nhì (1986), hạng Nhất (1989); Huân chương Độc lập hạng Ba (1994), hạng Nhì (1999), hạng Nhất (2004); Anh hùng lao động (2006).

1.2. Giới thiệu về khoa Du lịch

Khoa Du lịch của Trường Đại học Nha Trang được thành lập vào ngày 05/01/2019 trên cơ sở Bộ môn Quản trị Du lịch nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh du lịch cho đất nước. Hiện nay, Khoa có 02 Bộ môn là: Quản trị dịch vụ du

lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn, đảm nhiệm đào tạo cho 02 ngành và 03 chuyên ngành ở các cấp bậc Cao học, Đại học và Cao đẳng. Cụ thể, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (đào tạo bậc Đại học, Cao đẳng); ngành Quản trị khách sạn (đào tạo bậc Đại học, Cao đẳng); ngành Quản trị kinh doanh và du lịch song ngữ Pháp - Việt (đào tạo bậc Đại học). Đặc biệt, với sự hỗ trợ của Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF) và sự hợp tác của các trường đại học đối tác ở Pháp, năm 2016 đã đưa vào đào tạo Chương trình Cao học chuyên ngành Quản trị kinh doanh và du lịch bằng tiếng Pháp, nay thuộc Khoa Du lịch quản lý.

Năm 2006, ngành Quản trị kinh doanh du lịch được đưa vào đào tạo ở khoa Kinh tế với 05 khóa sinh viên tốt nghiệp. Đến năm 2012, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép đào tạo, đến nay, ngành đã có 07 khóa sinh viên đã tốt nghiệp. Với hơn 2000 sinh viên đã tốt nghiệp của Khoa cũng như số lượng tuyển sinh hàng năm trên 400 sinh viên đã tạo ra nguồn tuyển sinh tiềm năng trong thời gian tới đối với chương trình thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Hiện nay, Khoa Du lịch có 16 giảng viên cơ hữu, trong đó 100% cán bộ có trình độ thạc sĩ trở lên với hơn 50% được đào tạo ở nước ngoài 02 phó giáo sư chuyên ngành kinh tế, quản trị du lịch. Các giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ tham gia đứng tên mở ngành sẽ được lấy từ ngành gần của nhóm quản trị kinh doanh của Khoa Kinh tế. Việc kế thừa đội ngũ nhân lực đang phát triển mạnh của Khoa Kinh tế kết hợp với đội ngũ mới được đào tạo về du lịch tại Khoa Du lịch cũng như mạng lưới cộng tác về du lịch có uy tín từ các trường, viện khác sẽ đảm bảo các điều kiện để mở ngành cũng như giúp quá trình vận hành chương trình hiệu quả trong thời gian tới.

Công tác nghiên cứu khoa học của Khoa trong những năm gần đây đã đạt nhiều thành tích nổi bật. Một số đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp trường chuyên về du lịch đã và đang được thực hiện, góp phần thiết thực cho việc quản lý có hiệu quả ngành du lịch, nâng cao chất lượng giảng dạy, chất lượng nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên và sinh viên. Số lượng bài báo đăng ở Tạp chí quốc tế uy tín được duy trì ổn định hàng năm từ 2-3 bài và sách chuyên khảo, tham khảo xuất bản trong và ngoài nước của Khoa có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Lĩnh vực hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa Du lịch luôn được chú trọng. Khoa đã hỗ trợ Nhà trường đã ký kết hợp tác với nhiều trường đại học có đào tạo chuyên ngành du

lịch bậc Cao học như: Đại học Perpignan, Đại học Toulon (Pháp) và Viện đào tạo Pháp ngữ châu Âu (ESFAM) ở Bulgari. Ở bậc cử nhân, có hợp tác với các trường Đại học ở Thụy sĩ, Đại học ở Úc. Nhờ các quan hệ hợp tác trên, đã có 03 sinh viên khoa Du lịch được chuyển tiếp học Thạc sĩ ở Pháp, 13 học viên quốc tế đến học trong chương trình cao học chuyên ngành Quản trị du lịch ở Nhà trường.

1.3. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở địa phương và khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên

Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội của cả nước. Năm 2019, dân số của khu vực này chiếm 12%, trong khi diện tích đất chiếm đến 24,8% của cả nước. Đây là khu vực này có rất nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế với điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng về biển đảo có nguồn tài nguyên nguyên phong phú, có cơ sở hạ tầng và diện tích đất để xây dựng các khu công nghiệp tập trung gắn với cảng biển, đặc biệt là phát triển du lịch.

Với nhiều tiềm năng để phát triển, nhưng việc phát triển kinh tế du lịch của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Với hơn 2000 cơ sở kinh doanh du lịch trong khu vực, nhu cầu nhân lực làm việc trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú, nhà hàng, dịch vụ lữ hành tăng lên rất nhanh đặc biệt là nhân lực quản lý. Tuy nhiên, tỷ lệ nhân lực có trình độ cao, có thể tư vấn, quản lý và hoạch định chính sách và chiến lược cho các ngành kinh tế, các doanh nghiệp và các tập đoàn kinh tế trong lĩnh vực dịch vụ du lịch vẫn còn rất thấp. Nhiều chuyên gia đã nhận định rằng thị trường lao động ở khu vực này sẽ vẫn tiếp tục thiếu hụt và khan hiếm đặc biệt nguồn nhân lực cấp quản lý trong lĩnh vực du lịch trở lên. Nhiều doanh nghiệp du lịch cũng thừa nhận việc tuyển dụng nhân lực quản lý chất lượng cao là rất khó khăn, nhất là trong bối cảnh ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 rất nhiều doanh nghiệp du lịch đã và đang tiến hành tái cấu trúc. Ngoài ra, theo các đánh giá gần đây thì ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực quản lý từ cấp trung trở lên làm việc trong ngành du lịch còn nhiều hạn chế và bất cập. Sự bất cập này đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng quản lý và điều hành các doanh nghiệp và ngành du lịch của khu vực và đất nước. Những vấn đề nêu trên đã cho thấy phần nào bức tranh về thực trạng nhân lực du lịch từ quản lý cấp trung trở lên tại các cơ quan công quyền của Nhà nước cũng như tại các doanh nghiệp du lịch ở khu vực Nam

Trung Bộ và Tây Nguyên. Nó cũng khẳng định nguồn nhân lực quản lý hiện nay chưa đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng so với nhu cầu thực tiễn phát triển ngành du lịch.

Để xác định chính xác hơn nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (QTDVDL&LH), đặc biệt là nhu cầu đào tạo ngành này tại Khoa Du lịch, Trường Đại học Nha Trang, nhóm xây dựng đề án mở ngành đã thực hiện khảo sát 45 cựu sinh viên của Khoa Du lịch, trường đại học Nha Trang. Khảo sát thu thập số liệu được tiến hành từ tháng 2 đến tháng 5/2021 thông qua công cụ google forms.

Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 67% người tham gia khảo sát là nữ giới với độ tuổi trung bình 28. Trong số đó, số người hiện đang làm quản lý từ cấp trung trở lên cho các công ty du lịch (Khách sạn, Nhà hàng, Công ty lữ hành) là 18 (chiếm tỷ lệ 40%); số còn lại hiện đang công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, tổ chức nghiên cứu và giảng dạy về du lịch.

Về thời gian phù hợp nhất tham gia chương trình thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Du lịch, Trường Đại học Nha Trang, được các đáp viên lựa chọn trình bày trong Bảng 1.1 như sau.

Bảng 1.1. Thời gian dự định học Thạc sĩ QTDVDL&LH và số lượng tương ứng trong mẫu

	Năm dự định học							Tổng
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2030	
Số lượng (người)	22	12	4	2	2	2	1	45

Nguồn: Số liệu khảo sát tháng 5/2021

Đồng thời, nhóm khảo sát thực hiện phỏng vấn trực tiếp các đơn vị kinh doanh du lịch có uy tín trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Khách sạn, Khu nghỉ dưỡng, Công ty lữ hành) cũng như một số cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch trong và ngoài tỉnh Khánh Hòa. Kết quả khảo sát ở bảng 1.2 cho thấy, 14/19 đơn vị kinh doanh du lịch được khảo sát có nhu cầu nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ từ quản lý từ cấp trung trở lên với trình độ thạc sĩ QTDVDL&LH trong thời gian tới (74%). Đặc biệt, 12/12 các đơn vị quản lý Nhà nước về du lịch, cơ sở đào tạo du lịch được phỏng

vấn có nhu cầu đào tạo nhân lực có trình độ thạc sĩ QTDVDL&LH trong thời gian tới. Kết quả này chỉ ra rằng số cán bộ làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các trường/viện nghiên cứu về du lịch; đặc biệt là quản lý từ cấp trung trở lên ở các cơ sở kinh doanh du lịch trong khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có nguyện vọng tham gia học chương thạc sĩ QTDVDL&LH trong thời gian tới là khá nhiều. Chính vì vậy, việc mở ngành đào tạo thạc sĩ QTDVDL&LH tại Đại học Nha Trang là phù hợp với xu thế tất yếu, đáp ứng nhu cầu bổ sung nhân lực trình độ cao cho phát triển bền vững ngành du lịch của khu vực trong thời gian tới.

Bảng 1.2. Nhu cầu các đơn vị kinh doanh, quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo về khu cầu học Thạc sĩ QTDVDL&LH tại Khoa Du lịch của các đơn vị kinh doanh, quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo

STT	Khối các đơn vị kinh doanh du lịch	Có	Chưa chắc chắn	Không
1.	Khách sạn Sheraton Nha trang Hotel & Spa - 26-28 Trần Phú	X		
2.	Khách sạn Intercontinental Nha Trang - 32-34 Trần Phú	X		
3.	Khách sạn Sunrise Nha Trang - 12-14 Trần Phú	X		
4.	Khách sạn Novotel Nha Trang 50 Trần Phú	X		
5.	Khách sạn Michelia Nha Trang - 4 Pasteur	X		
6.	Khách sạn Yasaka Nha Trang - 18 Trần Phú	X		
7.	Khách sạn Mừng Thanh Luxury Nha Trang - 60 Trần Phú	X		
8.	Khu nghỉ dưỡng Six senses Ninh Vân Bay - Ninh Vân, Ninh Hòa	X		
9.	Khu nghỉ dưỡng The Anam - Cam Hải Đông, Cam Lâm	X		
10.	Khu nghỉ dưỡng Cam Ranh Rivea- Lot 3 Nguyễn Tất Thành, Cam Hải Đông, Cam Lâm	X		
11.	Khu nghỉ dưỡng MIA Nha Trang - Bãi Đông, Cam Hải Đông, Cam Lâm	X		
12.	Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha trang - 137 Thống Nhất, Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang	X		
13.	Công ty Ever Blue - 93 Nguyễn Thị Minh Khai, Phước Hoà, Thành phố Nha Trang	X		

STT	Khối các đơn vị kinh doanh du lịch	Có	Chưa chắc chắn	Không
14.	Công ty Cổ phần du lịch Long Phú - 15 Ngô Đức Kế, Tân Lập, Thành phố Nha Trang	X		
15.	Khách sạn Azura Nha Trang - 4/3 Trần Quang Khải		X	
16.	Khu nghỉ dưỡng Amiana Nha Trang - Phạm Văn Đồng, Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang		X	
17.	Khu nghỉ dưỡng Swandor Cam Ranh - Km11, Nguyễn Tất Thành, Cam Hải Đông, Cam Lâm		X	
18.	Khách sạn DTX Nha Trang - 3A Quán Trán, Lộc Thọ			X
19.	Chi nhánh Viettravel Nha Trang - 100 Quang Trung, Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang			X

STT	Khối cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch, cơ sở đào tạo du lịch	Có	Chưa chắc chắn	Không
1.	Sở Du lịch các địa phương	X		
2.	Hiệp hội du lịch các địa phương	X		
3.	Trường Cao đẳng du lịch Nha Trang	X		
4.	Trường Cao đẳng công nghệ kỹ thuật Nha Trang	X		
5.	Trường Trung cấp kinh tế Nha Trang	X		
6.	Trường Đại học Khánh Hòa	X		
7.	Trường Đại học Tôn Đức Thắng (cơ sở 2)	X		
8.	Trường Đại học Thái Bình Dương	X		
9.	Trường Đại học Phú Yên	X		
10.	Trường Cao đẳng xây dựng miền Trung	X		
11.	Trường Đại học Tây Nguyên	X		
12.	Trường Cao đẳng cộng đồng Ninh Thuận	X		

Nguồn: Nhóm xây dựng đề án, 5/2021

1.4. Lý do đề nghị cho phép Trường Đại học Nha Trang đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển kinh tế của các quốc gia và vùng lãnh thổ. Với lợi thế về tài nguyên tự nhiên và nhân văn phong phú, ngành “công nghiệp không khói” này cùng với một số ngành dịch vụ hỗ trợ khác đang dần chiếm vị trí quan trọng trong ưu tiên đầu tư phát triển của Việt Nam. Trong thực tế, du lịch có đặc thù là một ngành kinh doanh tổng hợp bao gồm nhiều hoạt động cung cấp dịch vụ khác nhau. Do vậy, để mang lại nhiều hơn giá trị kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực cho quốc gia cũng như góp phần khai thác tiềm năng, lợi thế của tài nguyên du lịch ở mỗi địa phương thì việc phát triển nguồn nhân lực cần giữ vị trí trung tâm trong các chương trình quy hoạch và phát triển ngành du lịch.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ rõ: Đến năm 2030, phát triển thành công, đột phá về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác thủy sản; (5) Công nghiệp ven biển; và (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Như vậy, ưu tiên chiến lược là phát triển du lịch và dịch vụ biển với các trọng tâm cụ thể là: Chú trọng đầu tư hạ tầng du lịch; khuyến khích tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng, các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao tại các vùng ven biển; xây dựng, phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của vùng miền, kết nối các tuyến du lịch quốc tế để Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của thế giới. Đồng thời, nghiên cứu thí điểm phát triển du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ. Tăng cường năng lực tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; đẩy mạnh các hoạt động thám hiểm khoa học; chú trọng công tác giáo dục, y tế biển. Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi nghề từ các hoạt động có nguy cơ xâm hại, tác

động tiêu cực đến biển sang bảo vệ, bảo tồn, tạo sinh kế bền vững, việc làm mới ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân.

Chiến lược phát triển ngành du lịch Việt nam tầm nhìn 2030 đã khẳng định mục tiêu đưa Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, có đẳng cấp trong khu vực, phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch chất lượng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, thân thiện với môi trường.

Ngành du lịch Việt Nam trên định hướng phát triển đòi hỏi cao đối với nguồn nhân lực trong ngành về trình độ học vấn, kỹ năng chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý, đồng thời cần có sự tinh tế và nhạy cảm trong kinh doanh du lịch.

Quy hoạch phát triển du lịch duyên hải Nam Trung Bộ đã chỉ rõ với đặc trưng du lịch nghỉ dưỡng biển, nhu cầu lao động cao hơn ở các vùng khác, dự kiến từ 1,4 lao động đến 1,5 lao động trực tiếp/1 buồng khách sạn và một lao động trực tiếp kèm theo 2,0 lao động gián tiếp. Nhu cầu lao động cho toàn ngành vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2030 khoảng 230.000 lao động trực tiếp trong du lịch và 470.000 lao động gián tiếp ngoài xã hội. Đặc biệt, có khoảng 10% trong số lao động trực tiếp là quản lý cấp trung trở lên cần được đào tạo nâng cao trình độ, đây được xem là một cơ hội trong phát triển đào tạo nhân lực du lịch trình độ cao trong thời gian tới.

Trong thực tế, duyên hải Nam Trung Bộ có hệ thống cơ sở đào tạo du lịch tương đối phát triển so với tiềm năng của nó. Hiện tại, toàn vùng có 19 đại học; 27 cao đẳng; 13 trung cấp trong đó có 9 trường đại học (chiếm 47,4% trên tổng số trường đại học đào tạo chuyên ngành du lịch); 10 trường cao đẳng (chiếm 37% trên tổng số trường cao đẳng); 5 trung cấp (chiếm 38,5% trên tổng số trường trung cấp) có chuyên ngành đào tạo về du lịch với tổng lượng học sinh/sinh viên hàng năm gần 8.000 (Căn cứ vào thông tin chỉ tiêu tuyển sinh của từng trường). Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo mới chỉ tập trung chủ yếu vào cấp độ đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp nghề du lịch. Đặc biệt, có gần 70% tổng số cơ sở đào tạo nghề tham gia đào tạo nghề liên quan đến du lịch với tổng lượng học sinh/sinh viên hàng năm khoảng 4.000 học sinh/sinh viên. Trong khi đó, số cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ còn rất khiêm tốn. Từ năm 2016, trường Đại học Nha Trang có mở ngành đào tạo thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp và du lịch Pháp ngữ, nhưng chủ yếu đào tạo học viên quốc tế trong cộng đồng đại học Pháp ngữ. Đến năm 2021, mới có trường Đại học Duy Tân (Đà Nẵng) đăng ký mở 02 ngành đào tạo

thạc sĩ Du lịch và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; trường Đại học Huế (đào tạo ngành Du lịch học bậc cao học và tiến sĩ).

Với thương hiệu, vị thế, kinh nghiệm của Khoa trong đào tạo du lịch ngày càng được khẳng định; điều kiện cơ sở vật chất hiện nay của Nhà trường với những phòng học có trang bị đầy các thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy như projector, internet, hệ thống máy tính và hệ thống thư viện với nhiều tài liệu chuyên ngành về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn; Nhà trường hoàn toàn đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Đây chính là tiền đề để Khoa và Trường Đại học Nha Trang đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo thạc sĩ QTDVDL&LH, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

PHẦN II. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Với 61 năm xây dựng và phát triển, đến nay Trường Đại học Nha Trang đã trở thành một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Trước năm 1990, Trường chỉ đào tạo trình độ đại học 5 chuyên ngành về lĩnh vực thủy sản, đến nay Trường đã đào tạo ở cả 3 trình độ bao gồm:

- Trình độ tiến sĩ: 10 ngành đào tạo tập trung ở các nhóm ngành kinh tế và quản lý, sản xuất và chế biến, thủy sản;
- Trình độ thạc sĩ: 15 ngành đào tạo (19 chương trình đào tạo chuyên ngành), tập trung ở các nhóm ngành kinh tế và quản lý, sản xuất và chế biến, thủy sản;
- Trình độ đại học: có 36 ngành đào tạo (50 chương trình đào tạo chuyên ngành) tập trung ở 5 nhóm ngành: Kinh tế và quản lý, khoa học xã hội nhân văn, công nghệ và kỹ thuật, sản xuất và chế biến, thủy sản.

Bảng 2.1. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học tuyển sinh năm 2021

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm
1	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
2	7810201	Quản trị khách sạn	897/QĐ-ĐHNT, 03/8/2019
3	7810201 PHE	Quản trị khách sạn (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	1580/QĐ-ĐHNT, 09/12/2019
4	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>Chương trình song ngữ Pháp-Việt</i>)	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
5	7340101 A	Quản trị kinh doanh (<i>Chương trình song ngữ Anh-Việt</i>)	1580/QĐ-ĐHNT, 09/12/2019
6	7340301 PHE	Kế toán (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
7	7480201 PHE	Công nghệ thông tin (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	1580/QĐ-ĐHNT, 09/12/2019
8	7620304	Khai thác thủy sản	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
9	7620305	Quản lý thủy sản	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
10	7620301	Nuôi trồng thủy sản (<i>3 chuyên ngành: Công</i>	1140/QĐ-BGDĐT,

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm
		<i>nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)</i>	26/3/2018
11	7420201	Công nghệ sinh học	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
12	7520320	Kỹ thuật môi trường	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
13	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
14	7510202	Công nghệ chế tạo máy	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
15	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
16	7520115	<i>Kỹ thuật nhiệt (3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm)</i>	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
17	7840106	<i>Khoa học hàng hải (2 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)</i>	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
18	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
19	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
20	7520130	Kỹ thuật ô tô	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
21	7520201	<i>Kỹ thuật điện (chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử)</i>	850/NQ-ĐHNT, 25/8/2020
22	7580201	<i>Kỹ thuật xây dựng (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)</i>	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
23	7520301	Kỹ thuật hoá học	850/NQ-ĐHNT, 25/8/2020
24	7540101	<i>Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)</i>	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
25	7540105	<i>Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)</i>	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
26	7480201	<i>Công nghệ thông tin (2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)</i>	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
27	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
28	7340101	Quản trị kinh doanh	1140/QĐ-BGDĐT,

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm
			26/3/2018
29	7340115	Marketing	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
30	7340121	Kinh doanh thương mại	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
31	7340201	Tài chính - ngân hàng	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
32	7340301	Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
33	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)	896/QĐ-ĐHNT, 03/8/2019
34	7220201	Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
35	7310101	Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế thủy sản)	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018
36	7310105	Kinh tế phát triển	1140/QĐ-BGDĐT, 26/3/2018

Nguồn: www.tuyensinh.ntu.edu.vn, 2021

**Bảng 2.2. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ và Thạc sĩ
tuyển sinh năm 2021**

STT	Mã ngành	Văn bằng	Chương trình đào tạo
Trình độ Tiến sĩ			
1	9620301	Tiến sĩ Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản
2	9620304	Tiến sĩ Khai thác thủy sản	Khai thác thủy sản
3	9520116	Tiến sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực	Kỹ thuật cơ khí động lực
4	9540105	Tiến sĩ Công nghệ chế biến thủy sản	Công nghệ chế biến thủy sản
5	9540104	Tiến sĩ Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch
6	9520122	Tiến sĩ Kỹ thuật tàu thủy	Kỹ thuật tàu thủy
7	9540101	Tiến sĩ Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
8	9340101	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh

9	9520103	Tiến sĩ Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí
10	9310109	Tiến sĩ Kinh tế và quản lý tài nguyên biển	Kinh tế và quản lý tài nguyên biển
Trình độ Thạc sĩ			
1	8540101	Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
2	8540104	Thạc sĩ Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch
3	8540105	Thạc sĩ Công nghệ chế biến thủy sản	Công nghệ chế biến thủy sản
4	8420201	Thạc sĩ Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
5	8520103	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí
6	-	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí	Chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt; Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí chế tạo
7	8520116	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực	Kỹ thuật cơ khí động lực
8	8620115	Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp	Kinh tế Nông nghiệp
9	8310105	Thạc sĩ Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển
10	8340410	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế
11	8620304	Thạc sĩ Khai thác thủy sản	Khai thác thủy sản
12	8620301	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản
13	8340101	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
14	8480201	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
15	-	Thạc sĩ Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu	Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu
16	8340101	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh và du lịch (Pháp ngữ)
17	8520130	Thạc sĩ Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô
18	8520122	Thạc sĩ Kỹ thuật tàu thủy	Kỹ thuật tàu thủy

Nguồn: www.ntu.edu.vn, 2021

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Nhà trường đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 1987 với 10 ngành và đã có 85 nghiên cứu sinh tốt nghiệp (Bảng 2.3), đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 1992 với 15 ngành và đã có hơn 2.500 học viên tốt nghiệp, trong đó học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành QTKD chiếm hơn 50% (Bảng 2.4). Đào tạo 36 ngành trình độ đại học (50 chương trình đào tạo chuyên ngành) và đã có 58 khoá tốt nghiệp với khoảng gần 35.000 sinh viên tốt nghiệp.

Bảng 2.3. Kết quả đào tạo trình độ tiến sĩ đến năm 2020

STT	Ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Mã ngành	Số lượng
1	Nuôi trồng thủy sản	1987	9620301	32
2	Khai thác thủy sản	1987	9620304	15
3	Công nghệ chế biến thủy sản	1992	9540105	22
4	Kỹ thuật tàu thủy	1992	9520122	10
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	2012	9520116	6
6	Công nghệ sau thu hoạch	2014	9540104	0
Tổng				85

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo SDH, 2021

Bảng 2.4. Kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ khối ngành Kinh tế và Quản trị đến năm 2020

STT	Ngành	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Kinh tế nông nghiệp	8	-	-	-	-	-	-	-
2	Quản trị kinh doanh	1	272	278	133	230	191	217	64
3	Kinh tế phát triển	-	-	-	0	230	133	57	14
4	Quản lý Kinh tế	-	-	-	-	-	6	115	134
5	Quản trị kinh doanh và du lịch Pháp ngữ	-	-	-	-	-	-	6	4
	164	272	27	135	460	38			

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo SDH, 2020

Năm 2006, ngành Quản trị kinh doanh du lịch được đưa vào đào tạo ở khoa Kinh tế với 05 khóa sinh viên tốt nghiệp. Đến năm 2012, ngành QTDVDL&LH của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép đào tạo, đến nay, ngành đã có 07 khóa

sinh viên đã tốt nghiệp. Với hơn 2000 sinh viên đã tốt nghiệp của Khoa cũng như số lượng tuyển sinh hàng năm trên 400 sinh viên đã tạo ra nguồn tuyển sinh tiềm năng trong thời gian tới đối với chương trình thạc sĩ QTDV DL&LH.

Bảng 2.5. Số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy khối ngành Du lịch, giai đoạn 2010-2020

STT	Năm tốt nghiệp	Số sinh viên tốt nghiệp
1	2010	72
2	2011	49
3	2012	62
4	2013	137
5	2014	52
6	2015	75
7	2016	110
8	2017	150
9	2018	150
10	2019	150
11	2020	200

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo đại học, 2021

2.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng

Bảng 2.6. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học
1	Lê Chí Công, 1980	PGS, 2019	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế du lịch	2015, Trường ĐH Nha Trang	07 đề tài, 4 sách chuyên khảo và tham khảo 43 bài báo, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.
2	Đỗ Thị Thanh Vinh, 1962	PGS, 2016	Tiến sĩ, Pháp, 2010	Quản trị kinh doanh	2010, Trường ĐH Nha Trang	1 chương trình, 11 đề tài (chủ nhiệm 7 đề tài), 5 sách, 54 bài báo, trong đó có 03 bài báo

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học
						quốc tế
3	Võ Văn Cần, 1974	GV, 1998	Tiến sĩ, Na Uy, 2013	Quản trị kinh doanh	2013, Trường ĐH Nha Trang	6 bài báo, trong đó có 02 bài báo quốc tế uy tín.
4	Trần Thị Ái Cẩm, 1983	GV, 2005	Tiến sĩ, Pháp, 2017	Quản trị Kinh doanh	2018, Trường ĐH Nha Trang	10 bài báo, trong đó có 02 bài báo quốc tế uy tín.
5	Nguyễn Thị Hồng Đào, 1983	GV, 2007	Tiến sĩ, Úc, 2020	Kinh tế học	2021, Trường ĐH Nha Trang	10 bài báo, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.
6	Phan Thị Xuân Hương, 1975	GV, 1998	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Quản trị Kinh doanh	2018, Trường ĐH Nha Trang	13 bài báo
7	Nguyễn Thị Kim Anh, 1962	PGS, 2007	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Kinh tế	2004, Trường ĐH Nha Trang	15 đề tài, 7 sách, 2 chương trong sách, 98 bài báo, trong đó có 12 bài báo quốc tế uy tín.
8	Lê Kim Long, 1974	PGS, 2018	Tiến sĩ, Na Uy, 2008	Kinh tế	2008, Trường ĐH Nha Trang	1 đề tài, 2 sách, 40 bài báo, trong đó có 07 bài báo quốc tế
9	Quách Thị Khánh Ngọc, 1977	PGS, 2019	Tiến sĩ, Na Uy, 2010	Kinh tế	2009, Trường ĐH Nha Trang	3 đề tài, 1 sách, 11 bài báo, trong đó có 09 bài báo quốc tế uy tín.
10	Hồ Huy Tựu, 1971	PGS, 2018	Tiến sĩ, Na Uy, 2011	Marketing	2011, Trường ĐH Nha Trang	5 đề tài, 03 sách, 50 bài báo, trong đó có 17 bài báo quốc tế uy tín.
11	Phạm Thế Anh, 1978	GV, 2001	Tiến sĩ, Việt Nam,	Kinh tế phát triển	2021, Trường ĐH Nha	08 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín.

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghệ	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học
					Trang	
12	Nguyễn Ngọc Duy, 1979	GV, 2003	Tiến sĩ, Na Uy, 2016	Kinh tế	2016, Trường ĐH Nha Trang	12 bài báo, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.
13	Phạm Hồng Mạnh, 1975	GVC, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế	2012, Trường ĐH Nha Trang	3 đề tài, 3 sách, 48 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế.
14	Nguyễn Văn Ngọc, 1970	GVC, 2020	Tiến sĩ, LB Nga, 2000	Kinh tế và quản lý kinh tế	2005, Trường ĐH Nha Trang	1 đề tài, 2 sách, 40 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín.
15	Lê Việt Phuong, 1979	GVC, 2020	Tiến sĩ, Việt Nam	Luật kinh tế	-	5 đề tài, 2 sách, 4 bài báo, 1 bài hội thảo
16	Võ Nguyễn Hồng Lam, 1976	GVC, 2020	Tiến sĩ, Philippi -nes	Ngôn ngữ Anh	2012, Trường ĐH Nha Trang	4 bài báo hội thảo quốc tế, 03 đề tài NCKH cấp cơ sở
17	Trần Thị Minh Khánh, 1979	GV, 2005	Tiến sĩ, Hoa Kỳ	Ngôn ngữ Anh	2012, Trường ĐH Nha Trang	01 chương sách, 01 đề tài NCKH cấp cơ sở, 2 bài báo
18	Nguyễn Duy Sự, 1973	GV, 2002	Tiến sĩ, Pháp	Ngôn ngữ Pháp	2016, Trường ĐH Nha Trang	10 bài báo; 02 bài báo hội thảo, 01 sách chuyên khảo
19	Nguyễn Hữu Tâm, 1978	GVC, 2020	Tiến sĩ, Việt Nam	Triết học	2018, Trường Đại học Nha Trang	6 bài báo, biên soạn 3 sách, 01 đề tài NCKH cấp cơ sở

Bảng 2.7. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa Du lịch đang học NCS (trợ giảng)

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học
1	Lê Bá Quỳnh Châu, 1990	GV, 2015	NCS, Pháp	Quản trị kinh doanh Du lịch	Đồng hướng dẫn luận văn thạc sỹ	1 bài hội thảo quốc tế, 1 bài hội thảo cấp quốc gia
2	Huỳnh Cát Duyên, 1989	GV, 2011	NCS, Việt Nam	Du lịch	Đồng hướng dẫn luận văn thạc sỹ	2 đề tài, 3 bài báo, 1 bài hội thảo quốc tế, 2 bài hội thảo cấp quốc gia
3	Lê Trần Phúc, 1984	GV, 2007	NCS, Việt Nam	Du lịch	Đồng hướng dẫn luận văn thạc sỹ	1 đề tài, 1 bài báo, 2 bài hội thảo cấp quốc gia
4	Đoàn Nguyễn Khánh Trân, 1988	GV, 2010	NCS, Việt Nam	Kinh tế du lịch	Đồng hướng dẫn luận văn thạc sỹ	3 đề tài, 1 sách chuyên khảo, 5 bài báo, 2 bài hội thảo cấp quốc gia
5	Đặng Thị Phước Toàn, 1991	GV, 2020	NCS, Việt Nam	Quản trị kinh doanh Du lịch	-	2 bài hội thảo cấp quốc gia

Nguồn: Tổng hợp lý lịch khoa học của giảng viên, 2021

Bảng 2.8. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
-----	---------------------------------------	--------------------	------------------------------	---------------------	----------------------------------	--

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Phạm Hồng Long , 1976, Trưởng khoa Du lịch học – Trường ĐH KH XH và Nhân Văn – ĐH Quốc Gia Hà Nội	PGS, 2019	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2013	Du lịch	2015, ĐH KH XH và Nhân Văn- ĐH Quốc Gia Hà Nội	17/48
2	Lê Anh Tuấn , 1969, Vụ trưởng, Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	PGS, 2014	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2005	Du lịch	2007, Cao đẳng Du lịch Hà Nội; Đại học KHXH - NV Hà Nội	7/62
3	Hoàng Thị Thu Hương 1983, Trưởng bộ môn Du lịch - Khoa Du lịch và Khách sạn – Đại học Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Kinh tế du lịch	2019, Đại học Kinh tế Quốc dân	5/17
4	Nguyễn Văn Mạnh , 1957, Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh Đại học Hòa Bình	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Kinh tế du lịch	2005, Đại học Hòa Bình	18/46

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
5	Đồng Xuân Đằm , 1975, Viện trưởng – Viện đào tạo quốc tế – Đại học Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ, Canada, 2009	Quản trị kinh doanh	2010, Đại học Kinh tế Quốc dân	5/20
6	Phạm Đức Sử		Tiến sĩ	Tiếng Pháp		

Bảng 2.9. Danh sách giảng viên cơ hữu và phân công giảng dạy

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học	Tham gia giảng dạy học phần
1	Lê Chí Công, 1980	PGS, 2019	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế du lịch	2015, Trường ĐH Nha Trang	07 đề tài, 4 sách chuyên khảo và tham khảo, 43 bài báo, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.	- Những vấn đề đương đại trong du lịch - Quản lý điểm đến - Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch
2	Đỗ Thị Thanh Vinh, 1962	PGS, 2016	Tiến sĩ, Pháp, 2010	Quản trị kinh doanh	2010, Trường ĐH Nha Trang	1 chương trình, 11 đề tài (chủ nhiệm 7 đề tài), 5 sách, 54 bài báo, trong đó có 03 bài báo quốc tế	- Nhân lực trong doanh nghiệp du lịch - Quản trị tài chính trong doanh nghiệp du lịch. - E- Tourism - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch
3	Võ Văn Cần, 1974	GV, 1998	Tiến sĩ, Na Uy, 2013	Quản trị kinh doanh	2013, Trường ĐH Nha Trang	6 bài báo, trong đó có 02 bài báo	- Quản trị tài chính trong doanh nghiệp du lịch

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học	Tham gia giảng dạy học phần
					Trang	quốc tế uy tín.	
4	Phan Thị Xuân Hương, 1975	GV, 1998	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Quản trị Kinh doanh	2018, Trường ĐH Nha Trang	13 bài báo	- Nhân lực trong doanh nghiệp du lịch
5	Trần Thị Ái Cẩm, 1983	GV, 2005	Tiến sĩ, Pháp, 2017	Quản trị Kinh doanh	2018, Trường ĐH Nha Trang	10 bài báo, trong đó có 02 bài báo quốc tế uy tín.	- Quản trị rủi ro trong du lịch. - Hành vi tiêu dùng trong du lịch - Quản trị du lịch MICE
6	Nguyễn Thị Hồng Đào	GV, 2007	Tiến sĩ, Úc, 2020	Kinh tế học	2021, Trường ĐH Nha Trang	10 bài báo, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.	- Những vấn đề đương đại trong du lịch - Kinh doanh dịch vụ lữ hành và vận chuyển - Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống
7	Nguyễn Thị Kim Anh, 1962	PGS, 2007	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Kinh tế	2004, Trường ĐH Nha Trang	15 đề tài, 7 sách, 2 chương trong sách, 98 bài báo, trong đó có 12 bài báo quốc tế uy tín.	- Khoa học quản lý - Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch
8	Lê Kim Long, 1974	PGS, 2018	Tiến sĩ, Na Uy, 2008	Kinh tế	2008, Trường ĐH Nha Trang	1 đề tài, 2 sách, 40 bài báo, trong đó có 07 bài báo quốc tế	- Khoa học quản lý - Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch
9	Quách Thị Khánh Ngọc, 1977	PGS, 2019	Tiến sĩ, Na Uy, 2010	Kinh tế	2009, Trường ĐH Nha Trang	3 đề tài, 1 sách, 11 bài báo, trong đó có 09 bài báo quốc tế uy tín.	- Du lịch bền vững
10	Hồ Huy Tựu, 1971	PGS, 2018	Tiến sĩ, Na Uy,	Marketing	2011, Trường	5 đề tài, 03 sách,	- Marketing dịch vụ du lịch

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học	Tham gia giảng dạy học phần
			2011		ĐH Nha Trang	50 bài báo, trong đó có 17 bài báo quốc tế uy tín.	- Hành vi tiêu dùng trong du lịch
11	Phạm Thế Anh, 1978	GV, 2001	Tiến sĩ, Việt Nam,	Kinh tế phát triển	2021, Trường ĐH Nha Trang	08 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín.	- Quản trị rủi ro trong du lịch - Nhân lực trong doanh nghiệp du lịch
12	Nguyễn Ngọc Duy, 1979	GV, 2003	Tiến sĩ, Na Uy, 2016	Kinh tế	2016, Trường ĐH Nha Trang	12 bài báo, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.	- Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch - Quản trị rủi ro trong du lịch
13	Phạm Hồng Mạnh, 1975	GVC, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế	2012, Trường ĐH Nha Trang	3 đề tài, 3 sách, 48 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế.	- Du lịch bền vững - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch
14	Nguyễn Văn Ngọc, 1970	GVC, 2020	Tiến sĩ, LB Nga, 2000	Kinh tế và quản lý kinh tế	2005, Trường ĐH Nha Trang	1 đề tài, 2 sách, 40 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín.	- Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh du lịch - Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch
15	Lê Việt Phương, 1979	GVC, 2020	Tiến sĩ, Việt Nam	Luật kinh tế	-	5 đề tài, 2 sách, 4 bài báo, 1 bài hội thảo	- Luật du lịch Việt Nam và quốc tế
16	Võ Nguyễn Hồng Lam, 1976,	GVC, 2020	Tiến sĩ, Philippines	Ngôn ngữ Anh	2012, Trường ĐH Nha Trang		- Tiếng Anh chuyên ngành du lịch
17	Trần Thị Minh Khánh, 1979	GV, 2005	Tiến sĩ, Hoa Kỳ	Ngôn ngữ Anh	2012, Trường ĐH Nha Trang		- Tiếng Anh chuyên ngành du lịch
18	Nguyễn	GV,	Tiến sĩ,	Ngôn	2016,		- Tiếng Pháp

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học	Tham gia giảng dạy học phần
	Duy Sự, 1973	2002	Pháp	ngữ Pháp	Trường ĐH Nha Trang		chuyên ngành du lịch
19	Nguyễn Hữu Tâm, 1978	GVC, 2020	Tiến sĩ, Việt Nam	Triết học	2018, Trường Đại học Nha Trang		- Triết học

Bảng 2.10. Danh sách giảng viên thỉnh giảng và phân công giảng dạy

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích khoa học	Tham gia giảng dạy học phần
1	Phạm Hồng Long , 1976, Trưởng khoa Du lịch học – Trường ĐH KH XH và Nhân Văn – ĐH Quốc Gia Hà Nội	PGS, 2019	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2013	Du lịch	2015, ĐH KH XH và Nhân Văn-ĐH Quốc Gia Hà Nội	17/48	- Quản lý điểm đến (nâng cao) - Quản trị MICE
2	Lê Anh Tuấn , 1969, Vụ trưởng, Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	PGS, 2014	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2005	Du lịch	2007, Cao đẳng Du lịch Hà Nội; Đại học KHXH - NV Hà Nội	7/62	- Du lịch bền vững - E- Tourism
3	Hoàng Thị Thu Hương , 1983, Trưởng bộ môn Du lịch - Khoa Du lịch và Khách sạn – Đại học Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Kinh tế du lịch	2019, Đại học Kinh tế Quốc dân	5/17	- Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống
4	Nguyễn Văn Mạnh , 1957, Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh Đại học Hòa Bình	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Kinh tế du lịch	2005, Đại học Hòa Bình	18/46	- Kinh doanh dịch vụ lữ hành và vận chuyển
5	Đông Xuân Đảm , 1975,		Tiến sĩ, Canada	Quản trị kinh	2010, Đại	5/20	- Kinh doanh dịch vụ lưu trú

	Viện trưởng – Viện đào tạo quốc tế – Đại học Kinh tế Quốc dân		2009	doanh	học Kinh tế Quốc dân		và ăn uống
6	Phạm Đức Sử		TS	Tiếng Pháp			- Tiếng Pháp chuyên ngành du lịch

Bảng 2.11. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách đào tạo

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt	Ngành/ Chuyên ngành
1	Đặng Xuân Phương, 1975, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học	PGS, TS 2011	Kỹ thuật cơ khí
2	Đặng Văn Tiên, 1982, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
3	Trần Thị Thu, 1980, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
4	Nguyễn Thị Thu Nga, 1978, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Kinh tế thủy sản
5	Hoàng Hà Giang, 1990, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo:

Bảng 2.12. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học
1	Phòng học, giảng đường	98	25.944	- Projector - Âm thanh (bộ)	98 98	Tất cả các học phần lý thuyết

2	Phòng học đa phương	01	120	- Máy tính - Projector - Âm thanh (bộ) - Camera	40 01 01 02	Tất cả các học phần lý thuyết
3	Phòng học ngoại ngữ	01	220	Máy tính có trang bị âm thanh chuẩn	40	Phục vụ các học phần ngoại ngữ
4	Phòng máy tính	10	1212	Máy tính cá nhân	1300	Tất cả các học phần có thực hành mô phỏng hoặc thao tác trực tiếp trên máy tính
5	Phòng thực hành chứng khoán ảo	01	60	- Projector - Máy tính cá nhân	1 40	Thực hành mô phỏng thị trường chứng khoán và các học phần
6	Trung tâm thực hành nghiệp vụ du lịch	01		- Nhà hàng phục vụ điểm tâm, café.		Thực hành các nghiệp vụ lễ tân, pha chế

2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

a) Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

- Tổng diện tích thư viện: 10.000 m², trong đó diện tích phòng đọc: 4.000 m².
- Số chỗ ngồi: 1000.
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 110.
- Phần mềm quản lý thư viện: 2 (VLAS: Quản lý tài liệu văn bản, KIPOS: quản lý Ebooks - Thư viện số).
- Thư viện số, RFID: Quản lý an ninh và lưu trữ động.
- Thư viện kết nối với hệ thống thư viện các trường đại học Phía Nam (VILASAL).

- Tài nguyên đọc của Thư viện bao gồm 15.000 tên tài liệu chuyên ngành tiếng Việt và tiếng Anh với 60.000 bản, hơn 300 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài.
- Tài nguyên điện tử trên Thư viện số với 10.000 sách, luận văn, luận án, giáo án và các công trình khoa học khác.
- Tài liệu số: 48.767 (Bài tạp chí, báo, tạp chí, ảnh, đa phương tiện, sách, giáo trình, bài giảng, khoá luận, luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu khoa học)
- Tài liệu Văn bản: 21.697 (Bài tạp chí, báo, tạp chí, ảnh, đa phương tiện, sách, giáo trình, bài giảng, khoá luận, luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu khoa học).

2.3.3. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Bảng 2.13. Danh mục tài liệu, giáo trình của ngành đào tạo

STT	Giáo trình/tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà XB	Năm XB	Số bản	Dùng cho học phần
A. Khối kiến thức chung						
Các học phần bắt buộc						
1	Giáo trình Triết học (Dành cho học viên Cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản Lý luận Chính Trị	2007	1	Triết học
2	English for tourism and restaurants	Frank Levin, Peg Tinsley	Tp. HCM : Tổng hợp Tp. HCM; Công ty TNHH Nhân Trí Việt	2016	1	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch
	English for tourism studies	Michael Ennis	University of Bozen Bolzano	2016		
3	Le francais du tourisme – Livret d’activités	Anne-Marie Calmy	Hachette FLE	2004		Tiếng Pháp chuyên ngành Du lịch
	Tourisme.com.	Corbeau, S. et al.	CLE Internationa l, 2 ^e édition.	2013		
Các học phần tự chọn						

4	Giáo trình khoa học quản lý	Phan Huy Đường	NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2017		Khoa học quản lý
	Management Science in Hospitality and Tourism Theory, Practice, and Applications	Muzaffer Uysal, Zvi Schwartz, Ercan Sirakaya-Turk	Apple Academic Press	2016		
5	Luật du lịch			2017	1	Luật Du lịch Việt Nam và quốc tế
	Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL	Bộ VHTTDL		2017	1	
	Nghị định 168/2017/NĐ-CP	Chính Phủ		2017	1	
	Công văn 120/TCDL-LH	Tổng cục Du lịch		2017	1	
B. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành						
Các học phần bắt buộc						
1	Handbook on Tourism Development and Management: Tourism and Hospitality Development and Management	Kerri Hayden Collins	New York: Nova Science Publisher's, Inc	2015	1	Những vấn đề đương đại trong Du lịch
2	Bài giảng Gestion des ressources humaines	Đỗ Thị Thanh Vinh		2020	1	Nhân lực trong DN du lịch
	Human Resource Management in Hospitality Cases	Peter Szende	Routledge	2020		
3	Strategic management for tourism, hospitality and events	Nigel Evans.	New York: Routledge Taylor & Francis Group	2015	1	Quản trị chiến lược trong DN du lịch
	Strategic Management for Hospitality and Tourism	Fevzi Okumus	Routledge	2020		
4	Tài chính Doanh	Ross,	Kinh tế	2017	1	Quản trị tài chính

	ngành - Corporate Finance	Westterfield và Jaffe	TP.HCM			trong DN du lịch
	Fundamentals of Corporate Finance	Ross, Westterfield and Jordan	McGraw Hill Irwin	2015	1	
5	Marketing for Hospitality and Tourism	Phillip Kotler, John Bowen, James Makens	Pearson Education Ltd.	2017	1	Marketing dịch vụ du lịch
	Essentials of marketing research: a hands-on orientation	Naresh K. Malhotra	Boston: Pearson	2015	1	
6	Research methodology: The Aims, Practices and Ethics of Science	Peter Pruzan	New York, NY :Springer Berlin Heidelberg	2016	1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh du lịch
	Research methodology: a practical and scientific approach	Vinayak Bairagi, Mousami V. Munot.	Boca Raton :CRC Press, Taylor & Francis Group	2019	1	
	Planning Research in Hospitality and Tourism	Levent Altinay	Routledge	2015		
7	Giáo trình đại cương Quản trị khu nghỉ dưỡng	Hồ Huy Tựu và Lê Chí Công	Đại học Kinh tế quốc dân	2015	1	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống
	Food and beverage management	Bernard Davis, Andrew Lockwood, Peter Alcott Ioannis S. Pantelidis	New York : Routledge	2018		
	Tourism, Transport and Travel Management	M.R. Dileep	Routledge	2019		

8	Tour Operators and Operations development, management and responsibility	Jacqueline Holland & David Leslie	CPI Group (UK) Ltd, Croydon, India	2017		Kinh doanh dịch vụ lữ hành và vận chuyển
	Tour Operators and Operations development, management and responsibility	Holland, J., & Leslie, D.	CPI Group (UK) Ltd, Croydon, India	2017	1	
Các học phần tự chọn						
1	Chỉ số SIPAS 2019: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Bộ nội vụ		2020	1	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch
	Operations Management in the Hospitality Industry	Peter Szende, Alec N. Dalton, Michelle Yoo	Emerald Publishing	2021		
2	Consumer Behaviour in Tourism	Susan Horner and John Swarbrooke	Routledge	2016		Hành vi tiêu dùng trong du lịch
	Consumer behavior	Leon G. Schiffman and Joseph Wisenblit	Pearson	2015		
	Bài giảng Hành vi tiêu dùng trong du lịch		Thư viện Đại học Nha Trang	2020	1	
3	<i>Quản trị rủi ro doanh nghiệp: Tiếp cận theo khung tích hợp của COSO.</i>	Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Ngô Quang	NXB Hồng Đức.	2018	1	Quản trị rủi ro trong du lịch

		Huân, Trần Anh Minh				
	Risk management for Tourism and Hospitality Management	Jovid Maricar H. Maranan, Mario H. Maranan, Cristina O. Nazareno- Caluza,	Mind shapers Publishing	2018		
	Enterprise Risk Management— Integrating with Strategy and Performance	COSO	The Committee of Sponsoring Organizatio ns of the Treadway Commissio n (COSO)	2017		
4	Meetings, Expositions, Events, and Conventions: An Introduction to the Industry	George Fenich	Pearson	2018		Quản trị MICE
	European Hotel Directory - M.I.C.E: Meetings, Incentives, Conferences	Heinz Duthel	Bod.de European Hotel M.I.C.E Directory	2019		
5	The Routledge handbook of tourism and sustainability	C. Michael Hall, Stefan Gossling and Daniel Scott.	New York:Routl edge	2015	1	Du lịch bền vững
	Cultural Sustainability, Tourism and Development: (Re)articulations in	Nancy Duxbury	Routledge	2021		

	Tourism Contexts					
6	Information and Communication Technologies in Tourism 2021	Wolfgang Wörndl, Chulmo Koo, Jason L. Stienmetz	Springer	2021		E-tourism
	Handbook on Tourism Management: Marketing Approach towards E-Tourism Development Strategies with ICT Capabilities	Majid Mohammad Shafiee	Noor Publishing	2017		
7	Marketing and Managing Tourism Destinations	Alastair M. Morrison	Routledge	2018		Quản lý điểm đến
	Worldwide Destinations: The geography of travel and tourism	Brian Boniface, Robyn Cooper, Chris Cooper	Routledge	2016		
8	Hướng dẫn du lịch có trách nhiệm: Áp dụng cho triển lãm và hội chợ thương mại du lịch tại Việt Nam / Chương trình Phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã	Tổng cục Du lịch Việt Nam	Hà Nội: Tổng cục Du lịch Việt Nam	2015	1	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch
	Corporate Sustainability and Responsibility in Tourism: A Transformative Concept	Dagmar Lund-Durlacher, Valentina Dinica, Dirk Reiser, Matthias S. Fifka	Springer	2019		

	Corporate social responsibility in tourism et hospitality	Font, X., & Lines, L.		2018	1	
Học phần bổ sung kiến thức						
1	Giáo trình Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà & Đỗ Thị Hải Hà	ĐHKQTĐ	2013		Đại cương Quản trị doanh nghiệp du lịch
	Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương	ĐHKQTĐ	2013		
	Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh và Phạm Hồng Chương	ĐHKQTĐ	2010		
2	Tourism, Principles and Practice,	Cooper, C., Fletcher, J., Fyall, A., Gilbert, D., & Wanhill, S.	Pearson Education Limited.	2005		Kinh tế du lịch
	Kinh tế Du lịch	Nguyễn Hồng Giáp	Nhà xuất bản Trẻ	2002		
	Tourism Management	Dave Weaver & Laura Lawton	John Wiley & Sons Australia, LTD	2006		
3	Managerial Economics	William F. Samuelson, Stephen G. Marks	John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved	2013		Kinh tế vi mô
	Economics	Robert S. Pindyck và Daniel L. Rubinfeld., Economics	Prentice-Hall International, Inc.	2009		

	Advance microeconomics theory	Geoffrey A. Jehle, Philip J. Reny	Advance microeconomics theory	2011		
	Intermediate Microeconomics –A modern approach	Hal R. Varian.	W. W. Norton & Company, Inc.	2010		
4	Văn hóa học và văn hóa VN	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	2006		Cơ sở văn hóa Việt Nam
	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục	2002		
	Bản sắc văn hoá Việt	Phan Ngọc	NXB VHNT	2002		
5	Tâm lý khách du lịch	Hồ Lý Long	Nhà xuất bản Lao động – Xã hội	2009		Tâm lý du khách và giao tiếp ứng xử trong du lịch
	Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh	Đại học Kinh tế quốc dân	2012		
6	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu và cộng sự	ĐHKT-TPHCM	2007		Marketing căn bản
	Nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler & Gary Armstrong	Lao động-xã hội	2012		

Bảng 2.14. Danh mục sách chuyên khảo của ngành đào tạo

STT	Tên sách chuyên khảo	Nhà xuất bản	Năm XB	Số lượng
1	Econometric analysis of cross section and panel data	MIT Press	2010	01
2	Introductory Econometrics	Cambridge University Press	2006	01
3	Toàn cầu hóa hội nhập và phát triển bền vững: Từ góc nhìn triết học đương đại	Chính trị Quốc gia - Sự thật	2011	03
4	Kinh tế - xã hội Việt Nam hướng tới chất lượng tăng trưởng, hội nhập - phát triển bền vững	Thống kê	2004	10
5	Quản trị học: Dành cho sinh viên	Lao động	2010	10

STT	Tên sách chuyên khảo	Nhà xuất bản	Năm XB	Số lượng
	trường Đại học, Cao học, khối Quản trị Kinh doanh - Kinh tế và các Nhà Quản trị			
6	Khái luận Quản trị chiến lược	Lao động	2012	10
7	Quản trị chiến lược (Hoàng Văn Hải, Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn Mạnh Tuấn)	Đại học QG Hà Nội	2013	5
8	Quản trị chiến lược (Lê Thế Giới, Nguyễn Thanh Liêm, Trần Hữu Hải)	Dân trí	2014	5
9	Quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh (Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Việt Long, Đỗ Thị Thanh Vinh, Nguyễn Kim Nam)	Phuong Đông	2013	2
10	CIO and corporate strategic management: changing role of CIO to CEO (Petter Gottschalk)	Idea Group Publication	2011	2
11	Strategic management: competitiveness & globalization: concepts	South-Western Cengage Learning	2011	2
12	Strategic management : global cultural perspectives for profit and non-profit organizations	Elsevier Butterworth-Heinemann	2006	2
13	Quản trị marketing (Lê Thế Giới, Nguyễn Xuân Lân)	Giáo dục	2007	10
14	Chiến lược Marketing hoàn hảo (William M. Luther; Hồng Hạnh dịch)	Lao động - Xã hội	2011	5
15	Hoạch định chiến lược marketing hiệu quả: How to Write a Marketing Plan (John Westwood; Việt Hà, Lan Nguyễn dịch)	NXB Tổng hợp Tp. HCM	2008	10
16	Giáo trình Marketing thương mại (Nguyễn Xuân Quang)	Đại học Kinh tế Quốc Dân	2007	05
17	Những chiến lược khác biệt để phát triển thương hiệu (Công Minh, Tiến Huy biên soạn)	Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	15
18	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp: Phần 1	Trường ĐH Kinh tế HCM	2013	10
19	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp: Phần 2	Trường ĐH Kinh tế HCM	2014	5
20	Applied corporate finance: questions, problems and making decisions in the real world	Springer	2013	2
21	Advanced financial risk management: tools & techniques for integrated credit risk and interest rate risk	John Wiley & Sons Singapore	2013	2

STT	Tên sách chuyên khảo	Nhà xuất bản	Năm XB	Số lượng
	management			
22	Market risk analysis	Wiley	2008	02
23	Các học thuyết quản lý	Chính trị Quốc gia	1996	14
24	Phát triển nguồn nhân lực du lịch Khánh Hòa trong bối cảnh hội nhập quốc tế (<i>Sách tham khảo</i>) (Lê Chí Công và cộng sự)	Đại học Kinh tế quốc dân	2020	01
25	Ảnh hưởng của cộng đồng địa phương đến phát triển bền vững du lịch biển: trường hợp các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (<i>Sách chuyên khảo</i>) (Lê Chí Công và cộng sự)	Lao động	2018	01
26	Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của du khách đối với du lịch biển Việt Nam (Lê Chí Công)	Đại học Kinh tế quốc dân	2017	01

Bảng 2.15. Danh mục tạp chí của ngành đào tạo

Tên tạp chí trong nước		Nhà xuất bản
1	Các tạp chí chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, marketing, du lịch	Trong danh mục quy định quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước
Các tạp chí ngoài nước		Tên tổ chức
1	Tạp chí chuyên ngành quản trị kinh doanh, marketing, du lịch	Các trường Đại học trên thế giới
2	Tạp chí chuyên ngành quản trị kinh doanh, marketing, du lịch	Trong danh mục quy định quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

2.4.1. Đề tài khoa học đã thực hiện

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa Du lịch có sự phát triển nhanh trong những năm qua. Một số giảng viên của Khoa đã chủ nhiệm và tham gia các đề tài nghiên cứu trong nước và ngoài nước. Một số đề tài khoa học điển hình trong 5 năm gần đây được liệt kê dưới đây:

Bảng 2.16. Danh mục đề tài NCKH đã thực hiện

STT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Nghiên cứu các giải pháp quản lý thu chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025.	Đề án cấp Tỉnh HĐKHKT số 12/2018/HĐ – SKHCN	2018-2019	Đạt
2	Phát triển nguồn nhân lực du lịch Khánh Hòa trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Cấp tỉnh	2017-2019	Tốt
3	Nghiên cứu ảnh hưởng của cộng đồng đến phát triển bền vững du lịch biển đảo duyên hải miền Trung	Cấp Bộ	2016-2018	Xuất sắc
4	Tham gia xây dựng Đề cương Nhóm mục từ chuyên ngành Kinh tế xã hội nghề cá (thuộc quyển 10 ngành Lâm nghiệp, Ngư nghiệp - Bách khoa toàn thư Việt Nam).	Đề án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam	2016-2018	Tốt
5	Nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch biển đảo Khánh Hòa	Cấp tỉnh	2014-2016	Tốt
6	Nghiên cứu phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch Khánh Hòa.	Cấp Tỉnh	9/2014	Tốt
7	Đánh giá những ảnh hưởng tiêu cực của phát triển du lịch đến chất lượng cuộc sống của dân cư ven biển tại Nha Trang	Cấp trường TR2019-13-11	12/2020	Xuất sắc
8	Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Hợp đồng tư vấn cấp Tỉnh 2013-2014	19/3/2014.	Rất tốt
9	Phân khúc thị trường khách du lịch Nga đến Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cấp Trường, mã số TR2017-13-18	7/2018	Xuất sắc
10	Nghiên cứu áp dụng mô hình sử dụng lao động có trách nhiệm ở các khách sạn cao cấp trên địa bàn thành phố Nha Trang	Cấp Trường, mã số TR2015	4/2016	Xuất sắc
11	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động dòng nhân lực trong các khách sạn cao cấp (4 hoặc 5 sao) trên địa bàn thành phố Nha Trang.	Cấp trường	8/2014	Tốt

2.4.2. Các hướng nghiên cứu Đề án/đề án tốt nghiệp và dự kiến người hướng dẫn:

Bảng 2.17. Danh mục các hướng nghiên cứu/chủ đề chính của Đề án/đề án tốt nghiệp

Hướng nghiên cứu/ Chủ đề chính	Giảng viên	Số lượng HV có thể tiếp nhận
Hoạch định chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Đồng Xuân Đảm TS. Phan Thị Xuân Hương	05
Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Đồng Xuân Đảm	06
Quản trị/Phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp du lịch	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Phạm Thế Anh TS. Phan Thị Xuân Hương TS. Nguyễn Thị Hồng Đào	05
Sự hài lòng đối với công việc/tổ chức, sự gắn kết, lòng trung thành của nhân viên trong doanh nghiệp du lịch.	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS. Hồ Huy Tựu	04
Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp du lịch (khách sạn/khu nghỉ dưỡng/ nhà hàng/dịch vụ giải trí, hậu cần du lịch)	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Nguyễn Thị Hồng Đào	02
Hành vi tiêu dùng của khách du lịch	PGS.TS. Hồ Huy Tựu TS. Nguyễn Văn Ngọc PGS.TS Lê Chí Công TS. Hoàng Thị Thu Hương	06
Chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp du lịch	TS. Nguyễn Văn Ngọc PGS.TS Lê Chí Công TS. Hoàng Thị Thu Hương	05
Quản trị tài chính (Ra quyết định đầu tư, quyết định tài trợ, quyết định chi trả cổ tức) các doanh nghiệp du lịch	TS. Võ Văn Cần PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Đồng Xuân Đảm	04
Quản trị sự biến động (về nhân lực, về cơ hội đầu tư, về biến đổi khí hậu, môi trường kinh doanh, về rủi ro dịch bệnh,...) trong các doanh nghiệp du lịch	TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Phạm Thế Anh TS. Trần Thị Ái Cẩm TS. Phan Thị Xuân Hương	06

Điểm đến du lịch và sự hài lòng/ ý định quay lại của khách du lịch.	PGS.TS Lê Chí Công TS. Trần Thị Ái Cẩm TS. Hoàng Thị Thu Hương	03
Vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Phạm Hồng Long PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh	03
Phát triển du lịch bền vững/ du lịch xanh/đổi mới sáng tạo trong du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Phạm Hồng Long PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh	03
Hoạch định chiến lược, xây dựng chính sách phát triển du lịch của địa phương và quốc gia.	TS. Phạm Hồng Mạnh PGS.TS Đỗ Thị Thanh Vinh PGS.TS. Lê Anh Tuấn	04

2.4.3. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu:

Bảng 2.18. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Ảnh hưởng của rủi ro cảm nhận đến ý định hành vi giảm thiểu sử dụng đồ nhựa của cộng đồng dân cư ven biển Nha Trang	Lê Chí Công Phạm Thị Phương Thảo	Tạp chí quản lý và kinh tế quốc tế, 132, tr.91-105, 2020
2	Perceived risk and destination knowledge in the satisfaction-loyalty intention relationship: An empirical study of european tourists in vietnam	Lê Chí Công	Journal of Outdoor Recreation and Tourism, 2021
3	The Sustainability of Marine Tourism development in the South Central Coast, Vietnam.	Lê Chí Công Tạ Thị Vân Chi	Journal Tourism Planning & Development, 2020
4	Ảnh hưởng của rủi ro cảm nhận tiêu dùng đồ nhựa đến ý định gia tăng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường của khách du lịch.	Lê Chí Công Phạm Thị Phương Thảo	Tạp chí quản lý và kinh tế quốc tế, 132, tr.91-105, 2020
5	Ý định giảm thiểu sử dụng và xả thải túi nhựa của cộng đồng dân cư ven biển tại Vịnh Nha Trang: Vai trò của nhận thức tác hại túi nhựa và ý thức bảo vệ môi trường	Lê Chí Công	ạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á, 31(1), tr.75-92, 2020
6	Nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực du lịch tin Khánh Hoà trong bối cảnh hội nhập: Tiếp cận bằng phương pháp chuyên gia	Lê Chí Công	Tạp chí khoa học xã hội miền Trung, (2), tr.49-57, 2020
7	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng túi Polymer của khách du lịch quốc tế tại Nha Trang.	Lê Chí Công Hoàng Thị Thu Phương	Tạp chí Kinh tế đối ngoại, 122, tr.29-38.

8	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định hành vi của cộng đồng địa phương tham gia chương trình phát triển bền vững du lịch biển tại duyên hải Nam Trung Bộ	Lê Chí Công Đoàn Nguyễn Khánh Trân	Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 99, tr.15-30, 2019.
9	Nguồn nhân lực du lịch trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	Nguyễn Văn Lưu Lê Chí Công	Tạp chí du lịch Việt Nam, số 1+2, 2019.
10	Khánh Hoà phát triển nguồn nhân lực kinh doanh lưu trú	Lê Chí Công Trần Ngọc Quyền	Tạp chí du lịch Việt Nam, số 3, 2019.
11	Đánh giá tính bền vững của phát triển du lịch duyên hải Nam Trung Bộ dựa trên phương pháp chuyên gia	Lê Chí Công	Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 107, tr.62-76, 2018
12	Vai trò của doanh nghiệp xã hội trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ	Lê Chí Công Đỗ Thị Thanh Vinh	Tạp chí Quản lý kinh tế, số 89, tr.63-70, 2018
13	Ảnh hưởng của nhận thức lợi ích đến thái độ và hành vi của cộng đồng địa phương tham gia chương trình phát triển bền vững du lịch biển tại duyên hải Nam Trung Bộ	Lê Chí Công Hồ Huy Tựu	Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 9, tr.65-74, 2017
14	Factors affecting European tourists' satisfaction in Nha Trang City: Perceptions of destination quality	Lê Chí Công Đồng Xuân Đám	International Journal of Tourism Cities, Vol.3, Issue: 4, pp.350- 362, 2017.
15	Ảnh hưởng của cộng đồng địa phương đến phát triển bền vững du lịch biển: trường hợp các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ	Lê Chí Công và cộng sự	Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Lao động, 2018
16	Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của du khách đối với du lịch biển Việt Nam	Lê Chí Công	Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 2017
17	Đại cương Quản trị khu nghỉ dưỡng	Hồ Huy Tựu Lê Chí Công	Giáo trình đại cương, Đại học Kinh tế quốc dân, 2015
18	A formative model of the relationship between destination quality, tourist satisfaction and intentional loyalty: An empirical test in Vietnam	Lê Chí Công	Journal of Hospitality and Tourism Management Vol.26 (2016), pp.50-62.

19	Nghiên cứu ảnh hưởng của rủi ro cảm nhận đến thái độ và ý định sử dụng Tour bốn đảo của du khách quốc tế đến Nha Trang	Lê Chí Công	Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 28(2), tr.86-104, 2017
20	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thành phần thái độ đến ý định của cộng đồng địa phương tham gia phát triển du lịch bền vững	Lê Chí Công Đoàn Nguyễn Khánh Trân Nguyễn Văn Ngọc	Tạp chí Khoa học Thương mại, số 100, tr.65-72, 2016
21	Nghiên cứu ảnh hưởng của ẩm thực địa phương đến sự hài lòng của du khách: Trường hợp khách du lịch quốc tế đến du lịch biển tại Nha Trang	Lê Chí Công Đông Xuân Đảm	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 224, tr.88-99, 2016
22	Perspectives d'emploi des handicaps au Vietnam et réflexion au regard de la politique du Gouvernement vietnamien	Do Thi Thanh Vinh	NXB UCA (Pháp), ISBN: 978-2-9575362-1-4, 2020
23	Partir en voyage: La prise de décision des personnes handicapées – Etude du Vietnam.	Do Thi Thanh Vinh	Conférence internationale (Université Guyane, ClermontAuvergne et Université de Nha Trang), 12/2020
24	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động dòng nhân lực trong các khách sạn cao cấp ở Nha Trang.	Đỗ Thị Thanh Vinh	Tạp chí “Công Thương” ISSN: 0866-7756, 2020
25	Ứng dụng khung kỹ năng trong quản trị và đánh giá nhân sự	Đỗ Thị Thanh Vinh (đồng tác giả)	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 38(2015),10-15
26	Effects of economic and non-economic factors on domestic tourism demand – A general-to-specific approach	Võ Văn Cần	Asean journal on Hospitality and Tourism, Volume 12, Number 2, 2015, pp 163-179
27	Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản có FID tại Khánh Hòa	Võ Văn Cần	Kỷ yếu Hội thảo “Những tư tưởng kinh tế, quản trị hiện đại và khả năng vận dụng khi Việt Nam tham gia AEC và TPP”, tr 1084-1099, 9/2016
28	Hoàn thiện công tác quản lý thu phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước – trường hợp tỉnh Khánh Hòa	Võ Văn Cần và cộng sự	Tạp chí Công Thương, Số 4 (2020), 182 - 188

29	Ứng dụng mô hình FGLS trong kiểm định sự ảnh hưởng của các nhân tố tài chính đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch tỉnh Khánh Hòa	Võ Văn Cần và cộng sự	Tạp chí Công thương, số 8 (2021), 355-361
30	Satisfaction as a bridge to loyalty in a tourist destination	Trần Thị Ái Cẩm và ctv.	Tourism Analysis, vol. 23, 2018
31	Ảnh hưởng của giá trị cảm nhận đến ý định quay lại của khách hàng	Trần Thị Ái Cẩm	Tạp chí Phát triển kinh tế, 278(8), 52-60, 2020.
32	Nâng cao chất lượng đội ngũ hướng dẫn viên du lịch	Trần Thị Ái Cẩm, Nguyễn Thị Thúy Vân	Tạp Chí Công Thương, 5(3), 199-207, 2020
33	Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức đến ý định ở lại và vai trò trung gian của sự hài lòng	Trần Thị Ái Cẩm	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, (2019) 261(3), 50-60.
34	Vai trò trung gian của sự hài lòng trong mối quan hệ giữa lòng trung thành với điểm đến du lịch - trường hợp nghiên cứu tại thành phố Nha Trang	Trần Thị Ái Cẩm, Ninh T Kim Anh	Tạp chí PTKHCN-Luật-Kinh tế & Quản lý, 367(6), 1-22, 2019.
35	Firm performance in the financial industry: The role of foreign entrants and their origin	Nguyễn Thị Hồng Đào	Multinational Business Review, 2021.
36	Foreign entry in the services sector and gender workforce composition	Nguyễn Thị Hồng Đào	Oxford Development Studies, 2021
37	How does FDI affect domestic firms' wages? Theory and evidence from Vietnam	Nguyễn Thị Hồng Đào	Applied Economics, 51, 1-17, 2019.
38	A long-run and short-run analysis of the macroeconomic interrelationships in Vietnam	Nguyễn Thị Hồng Đào	Economic Analysis and Policy, 54, 15-25, 2017.
39	Hiệu quả chi phí, kỹ thuật và phân bổ trong nuôi trồng thủy sản: Trường hợp nghề nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Ninh Thuận	Lê Kim Long	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường ĐH Kinh tế quốc dân (2017) (ISSN: 1859-0012), 238(2), 91-99.

40	Productive efficiency analysis of offshore fishery in Khanh Hoa province, Viet Nam	Lê Kim Long	Proceedings: The third international conference on accounting and finance 2017, 360- 366.
41	Generic Competency Development in Vietnam Context: A Practical Research in Banking Sector	Phạm Minh, Trí, Thái Anh Hoa, Lê Quang Thông, Lê Kim Long	International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences, (2017) (ISSN: 2222-6990), 8(7), 1-13.
42	Phân tích khả năng sinh lợi của các hộ nuôi trồng thủy sản: Nghiên cứu trường hợp nghề nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa	Lê Kim Long, Phạm Thị Thanh Bình	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (2017). Bộ NN&PTNT 319, 87-92.
43	Đánh giá tính bền vững của nghề nuôi trồng thủy sản: Trường hợp nghề nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Quảng Ngãi	Lê Kim Long	Tạp chí Quản lý Kinh tế (2017). Viện NC Quản lý KT TW (ISSN: 1859-039X), 83, 34-42.
44	Data envelopment analysis for analyzing technical efficiency in aquaculture: The bootstrap methods.	Lê Kim Long và cộng sự	Aquaculture Economics & Management (2020) (SCIE, IF=2.646)
45	Economic Performance and Capacity Utilisation in Vietnamese Purse Seine Fishery	Lê Kim Long (đồng tác giả)	Asian Fisheries Science (2020) (Scopus, IF=0.28)
46	Willingness to adopt improved shrimp aquaculture practices in Vietnam	Quách Thị Khánh Ngọc và cộng sự	Aquaculture Economics & Management (2021)
47	Preferences for coastal and marine conservation in Vietnam: Accounting for differences in individual choice set formation	Quách Thị Khánh Ngọc và cộng sự	Ecological Economics, 180 (2021)
48	Assessing the value of coral reefs in the face of climate change: The evidence from Nha Trang Bay, Vietnam	Quách Thị Khánh Ngọc	Ecosystem Services, 35(2019)
49	Impacts on the ecosystem and human well-being of the marine protected area in Cu Lao Cham, Vietnam	Quách Thị Khánh Ngọc	Marine Policy 90(2018), 174-183

50	Patterns of vietnamese buying behaviors on luxury branded products	Hồ Huy Tựu, Svein Ottar Olsen, Lê Chí Công	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics, Forthcoming, 2017
51	Ảnh hưởng của môi trường tổ chức đến hành vi hỗ trợ thương hiệu của nhân viên trong ngành dịch vụ lưu trú tại Nha Trang	Phạm Hồng Liêm, Hồ uy Tựu	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Số đến 2017
52	Ảnh hưởng của nhận thức lợi ích đến thái độ và hành vi của cộng đồng địa phương tham gia chương trình phát triển du lịch bền vững tại khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	Lê Chí Công, Hồ Huy Tựu	Tạp chí Phát triển Kinh tế, 28(9), 2017, 65-84
53	Đầu tư trực tiếp nước ngoài và quyết định xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam	Phạm Thế Anh và cộng sự	Tạp chí khoa học: Kinh tế và kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội (1), 50-61, 2021
54	Lan tỏa công nghệ từ FDI và các nhân tố quyết định: Trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam.	Phạm Thế Anh (đồng tác giả)	Tạp chí Phát triển Kinh tế 27(8), 02-20, 2016
55	Quản trị Nguồn nhân lực và sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp	Phạm Thế Anh và cộng sự	Tạp chí Khoa học: Kinh tế và Kinh doanh, (2013) Đại học Quốc gia Hà Nội (4), 24-34.
56	Efficiency analysis of fisheries using stock proxies	Nguyen Ngoc Duy and Ola Flaaten	Fisheries Research, 181:102-113, 201
57	Profitability effects and fishery subsidies: average treatment effects based on propensity scores	Nguyen Ngoc Duy and Ola Flaaten	Marine Resource Economics, 31(4): 373–402, 2016
58	Quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ tỉnh Khánh Hòa	Phạm Hồng Mạnh	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 21 (2018), tr.201-105
59	Một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng du lịch biển tỉnh Ninh Thuận	Phạm Hồng Mạnh	Tạp chí Tài chính, Kỳ 2, tháng 5/2018 (681), tr.132-134
60	Đánh giá năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch biển tỉnh Ninh Thuận	Phạm Hồng Mạnh	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 18 (2018), tr.61-64

61	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhận thức lợi ích, chất lượng cuộc sống đến thái độ và hành vi tham gia chương trình phát triển du lịch bền vững của cộng đồng địa phương tại duyên hải Miền Trung	Lê Chí Công, Nguyễn Văn Ngọc và Nguyễn Thị Hồng Trâm	Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, trường Đại học Ngoại thương, Số 99 tháng 10/2017, tr.15-29
62	Phân khúc thị trường khách du lịch quốc tế đến Nha Trang – Khánh Hòa.	Nguyễn Văn Ngọc và Nguyễn Phúc Cường	Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, trường ĐH Ngoại thương, Số 115 tháng 3/2019
63	Phân khúc thị trường khách du lịch Nga đến Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Nguyễn Văn Ngọc và Phan Thị Xuân Hương	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 252(II), tháng 6 năm 2018
64	Evaluation of factors influencing Asian continent ocean health status using a semiparametric production function	Nguyen Thi Kim Anh và cộng sự	Ocean and Coastal Management, 160 (2018), 38-45
65	Xác lập tư cách pháp lý của người đại diện trong công ty cổ phần tại Việt Nam	Lê Việt Phương	Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 5(19), 2017
66	Nhận diện các trường hợp ủy quyền trong công ty cổ phần tại Việt Nam	Lê Việt Phương	Tạp chí Nhân lực KHXH, số 09(52), 2017
67	Đại diện theo ủy quyền trong công ty cổ phần ở Việt Nam	Lê Việt Phương	Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số đặc biệt 8/2017.
68	Bàn về người đại diện của công ty cổ phần ở Việt Nam	Lê Việt Phương	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số 305, 2017
69	Interpreting 3	Đặng Kiều Diệp, Võ Nguyễn Hồng Lam	Science and technics Publishing house, ISBN 978-604-67-1309-8
70	Tăng cường khả năng học tiếng Anh bằng trò chơi ngôn ngữ trực tuyến	Trần Thị Minh Khánh	Tạp chí Dạy và học ngày nay, Số kì 2 (4/2021)

71	De l'université à l'emploi: l'insertion professionnelle des jeunes diplômés de l'enseignement supérieur du français langue étrangère	Nguyễn Duy Sự	Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM, số 11 (89), 2016, tr.146=154
72	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục	Nguyễn Hữu Tâm	Tạp chí thông tin đối ngoại, số 137(8), 2015
73	Sự biến đổi trong xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thời kì quá độ ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Hữu Tâm	Tạp chí giáo dục và xã hội, Số tháng 4/2021 (Kì 1)

2.5. Hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong giai đoạn đầu từ khi thành lập cho đến năm 1975, Nhà trường đã hợp tác các đối tác Trung Quốc, Cộng hòa dân chủ Đức về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản. Từ khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước đến nay, Nhà trường đã triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế đa phương, đa lĩnh vực với nhiều trường đại học, nhiều tổ chức đào tạo, nghiên cứu trên thế giới. Trong những năm gần đây, các mối quan hệ hợp tác tập trung vào mục tiêu nâng cao năng lực của Trường thông qua việc liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin khoa học, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Cho đến nay, Trường Đại học Nha Trang đã thiết lập được các mối quan hệ chặt chẽ với hơn 40 tổ chức quốc tế, các trường, viện trên thế giới và khu vực như: Na Uy, Đan Mạch, Séc, Aixolen, Đức, Bồ Đào Nha, Nga, Pháp, Trung Quốc, Nhật, Ấn Độ, Canada, Mỹ, Úc và các nước trong khối Asean... Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường đã từng bước được nâng cao, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cũng được tăng cường.

Bảng 2.19. Danh mục các dự án, chương trình hợp tác Quốc tế của Trường Đại học Nha Trang từ năm 1998 đến nay (*):

ST T	Tên dự án	Mục đích	Nhà tài trợ	Thời gian	Kinh phí
1	Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu	Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi	NORAD	2003-2006	2.170.000 USD

	cho Trường Đại học Nha Trang (pha 1)	trồng thủy sản, Viện CNSH & MT được nâng cao. Năng lực quản lý đào tạo, và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của nhà trường được củng cố.			
2	Hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hoà (pha 1)	Năng lực của tổ chức và con người trong việc thiết lập các mô hình phù hợp để phát triển nông thôn Khánh Hòa được nâng cao.	AECI – Tây Ban Nha	2005-2006	39.200 EURO
3	Hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hoà (pha 2)	Năng lực của tổ chức và con người trong việc thiết lập các mô hình phù hợp để phát triển nông thôn Khánh Hòa được nâng cao.	AECI – Tây Ban Nha	2006-2007	11.000 Euro
4	Chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế - Quản lý thủy sản và Nuôi trồng thủy sản	- Cung cấp cho học viên các kỹ năng quản lý kinh tế và hoạt động kinh doanh, phục vụ cho sự phát triển KT-XH - Nâng cao năng lực cho cán bộ giảng dạy của ĐHNT.	CP Na Uy thông qua Trường ĐH Tromso Na Uy	2007-2012	Kinh phí cấp theo từng năm
5	Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang (pha 2)	- Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH & MT, Khoa Khai thác được nâng cao. - Năng lực quản lý đào tạo, và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của nhà trường được củng cố.	NORAD	2009-2011	13.200.000 NOK
6	Hợp tác với chương trình Fulbright Việt	Tập huấn nâng cao các kỹ năng cho các cán bộ và giáo viên của Trường.	ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam	2011 đến nay	

	Nam (ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam)				
7	Dự án Ohio – Hợp tác với Trung tâm GLC Ohio (Mỹ)	Đào tạo nghiệp vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp hàng năm cho hơn 50 sinh viên 2 trường ĐH Ohio và ĐH Nha Trang.	ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam	Từ 2009 đến 2013	
8	Chương trình hợp tác với AUF và các đối tác ĐH ở Pháp	Chương trình cử nhân song ngữ ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF)	Từ tháng 6/2013 đến nay	
		Chương trình thạc sĩ quốc tế Quản trị kinh doanh và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF)	Từ tháng 6/2017 đến nay	
		Chương trình trao đổi sinh viên, hỗ trợ đào tạo NCS	ĐH Nouvelle-Caledonie	Từ 10/2011	
		Chương trình trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo	ĐH Perpignan	Từ 6/2013	
		Chương trình trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo	ĐH Toulon Var	Từ 7/2016	
		Chương trình trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo	ĐH Orléans	Từ 9/2016	
		Chương trình trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo master với Đại học Corse (Pháp)	Viện đào tạo Pháp ngữ ESFAM (Bulgarie)	Từ 9/2020	

(*) Các Dự án hợp tác của Khoa Du lịch được đánh dấu nền màu xám

- **Hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa Du lịch:**

Với tổng số cán bộ viên chức là 16 người, trong đó có: 02 PGS, 14 Thạc sĩ trong đó đa số các giảng viên được đào tạo từ nhiều quốc gia như Na Uy, Pháp, Singapore, Úc... đã tạo sự đa dạng về sắc thái trong hoạt động NCKH và Hợp tác quốc tế của khoa

Du lịch. Hiện Khoa có 05 giảng viên đang làm NCS (trong đó có 02 NCS nước ngoài tại Pháp). Hàng năm Khoa cũng mời các chuyên gia, các sinh viên tình nguyện nước ngoài đến tham gia giảng dạy, NCKH thông qua các Dự án hợp tác quốc tế (Dự án Ohio, Dự án AUF...). Với đội ngũ phát triển rất nhanh về số lượng và chất lượng, Khoa được đánh giá là một trong những có nhiều tiềm năng trong NCKH trong lĩnh vực du lịch biển của Nhà trường về hoạt động Đào tạo, NCKH và Hợp tác đối ngoại.

PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1 Chương trình đào tạo

3.1.1 Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành
 - + Tiếng Anh: Travel & Tourism Service Management
- Mã số ngành đào tạo: 8810103
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 1,5 năm đối với hình thức toàn thời gian,
2 năm đối với hình thức bán thời gian.
- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành
 - + Tiếng Anh: Master in Travel & Tourism Service Management
 - + Tiếng Pháp: Master Gestion des services touristiques et du voyage

3.1.2 Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

- Luật Giáo dục năm 2019; Luật Giáo dục Đại học năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW);
- Quyết định số 147/QĐ-TTg năm 2020 về Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;
- Điều lệ trường đại học ban hành tại Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ;
- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực

mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Các chiến lược phát triển đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ các ngành, địa phương đến 2030, tầm nhìn 2045;

- Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/5/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Nha Trang;

- Nghị quyết số 642/NQ-ĐHNT ngày 23/6/2021 của Hội đồng trường về chủ trương mở ngành Thạc sĩ QTDVDL&LH.

Ngoài ra, để xây dựng chương trình đào tạo, Khoa Du lịch đã kế thừa Chương trình thạc sĩ Pháp ngữ Quản trị kinh doanh và du lịch của Trường Đại học Nha Trang; tham khảo các chương trình đào tạo Thạc sĩ Du lịch và trong nước, gồm: Chương trình Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội; Chương trình Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Chương trình Thạc sĩ Du lịch - Trường Du lịch Đại học Huế; Chương trình Thạc sĩ Du lịch - Đại học Nguyễn Tất Thành; Chương trình Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành - Trường Đại học Duy Tân; Chương trình Thạc sĩ Du lịch - Đại học Mittuniversitetet/Thụy Điển; Chương trình Thạc sĩ Du lịch - Đại học Hanyang/Hàn Quốc; Chương trình thạc sĩ Quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ và các lãnh thổ du lịch - Đại học Corse ở Pháp liên kết với ESFAM; Chương trình Thạc sĩ Quản trị Khách sạn và Du lịch quốc tế - Đại học James Cook/Úc; Chương trình Thạc sĩ Khách sạn quốc tế của trường Đại học Torrens/Úc.

Với những căn cứ trên, Trường Đại học Nha Trang có đủ cơ sở cho việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ QTDVDL&LH.

3.1.3 Tóm tắt chương trình đào tạo

3.1.3.1 Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- *Mục tiêu chung*

Chương trình Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành được thiết kế để đào tạo học viên trở thành các chuyên gia, nhà quản lý từ cấp trung trở lên, lãnh đạo các dự án kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, khách sạn - nhà hàng. Sau khi tốt nghiệp, người học nắm vững các kiến thức lý luận về du lịch hiện đại, các kiến thức về kinh tế, quản lý du lịch, văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch.

Chương trình cũng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội, ý thức cộng đồng; kỹ năng liên quan đến quản trị, điều hành, và tham gia có hiệu quả vào công tác nghiên cứu khoa học.

- *Mục tiêu cụ thể*

Thông qua chương trình đào tạo, học viên sẽ được trang bị:

a. Về kiến thức

- PEO1: Hiểu biết sâu sắc các kiến thức lý luận về du lịch hiện đại, các kiến thức về kinh tế, quản trị, văn hóa và kinh doanh du lịch.

- PEO2: Hiểu biết sâu sắc những kiến thức nâng cao về thống kê, phân tích, ra quyết định trong quản trị kinh doanh du lịch.

b. Về kỹ năng

- PEO3: Duy trì và phát triển nhóm cũng như quan hệ với các nhóm khác trong lĩnh vực du lịch.

- PEO4: Quản lý điều hành, bố trí sử dụng các nguồn lực phù hợp nhằm tối đa hóa lợi ích của tổ chức du lịch.

- PEO5: Phân tích, giải quyết vấn đề trong du lịch một cách chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu khác nhau của các bên liên quan trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- PEO6: Vận dụng các phương pháp phù hợp trong nghiên cứu khoa học, phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.

- PEO7: Phản biện, đánh giá và giải quyết các vấn đề dựa trên cơ sở đạo đức, quản trị có trách nhiệm trong lĩnh vực du lịch.

- PEO8: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đạt trình độ tương đương chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 4,5 IELTS hoặc 477 TOEFL). Đối với tiếng Pháp: đạt trình độ DELF B2 và tương đương. Có kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành trong đọc tài liệu và trình bày vấn đề.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội

- PEO9: Là công dân tốt, có lòng yêu nước, có ý thức phục vụ nhân dân, có trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng.

- PEO10: Có ý thức chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và chính sách của nhà nước.

d. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ điều hành, quản lý tại các doanh nghiệp lữ hành, các khách sạn, nhà hàng, các cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí (khu du lịch, công viên giải trí).

- Chuyên gia tư vấn chính sách, hoạch định chiến lược, tổ chức quy hoạch hay quản lý trong lĩnh vực du lịch

- Chuyên gia nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực du lịch.

• Chuẩn đầu ra

a. Về kiến thức

STT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức
1	PLO1	Nắm vững lý luận triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức ngoại ngữ, vận dụng trong quá trình học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch
2	PLO2	Nắm vững kiến thức chung về quản trị nhân lực, tài chính, chiến lược, marketing trong doanh nghiệp du lịch.
3	PLO3	Nắm vững kiến thức nghề nghiệp chuyên sâu nhằm về quản lý các hoạt động kinh doanh lữ hành, khách sạn.
4	PLO4	Đánh giá tiềm năng du lịch, sản phẩm du lịch, loại hình du lịch và chiến lược phát triển ngành du lịch phù hợp với từng vùng miền, địa phương.

b. Về kỹ năng

STT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng
1	PLO5	Có kỹ năng làm việc nhóm như duy trì và phát triển nhóm cũng như quan hệ với các nhóm khác trong lĩnh vực du lịch.
2	PLO6	Có kỹ năng quản lý điều hành, bố trí sử dụng các nguồn lực phù hợp nhằm tối đa hóa lợi ích của tổ chức du lịch.
3	PLO7	Có kỹ năng giải quyết vấn đề trong du lịch một cách chuyên

		ngành, đáp ứng nhu cầu khác nhau của các bên liên quan trong bối cảnh toàn cầu hóa.
4	PLO8	Có kỹ năng vận dụng các phương pháp phù hợp trong nghiên cứu khoa học, phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.
5	PLO9	Có kỹ năng phản biện, đánh giá và giải quyết các vấn đề dựa trên cơ sở đạo đức, quản trị có trách nhiệm trong lĩnh vực du lịch.
6	PLO10	Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tương đương chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 4,5 IELTS hoặc 477 TOEFL) hoặc các ngoại ngữ khác có trình độ tương đương. Có kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành trong đọc tài liệu và trình bày vấn đề.

c. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

STT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm
1	PLO11	Có đạo đức tốt, nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp của Nhà nước và quy định của địa phương.
2	PLO12	Trung thực và trách nhiệm trong công việc, có ý thức cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần độc lập trong công việc và hợp tác với đồng nghiệp.
3	PLO13	Năng động, tự chủ, chính trực, có ý thức phản biện, có tinh thần cầu tiến.
4	PLO14	Tận tâm với công việc, tích cực, chủ động đóng góp ý kiến và sáng tạo trong công việc.

3.1.3.2 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **60 tín chỉ**

Nội dung kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ
<i>Kiến thức chung</i>	3	10
Bắt buộc	2	8
Tự chọn	1	2
<i>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</i>	14	42
Bắt buộc	8	24
Tự chọn	6	18

Đề án/Đồ án tốt nghiệp	1	8
Tổng cộng	19	60

3.1.3.3 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Tổng số TC	Đáp ứng CDR
	Phần chữ	Phần số			
A. Khối kiến thức chung				10	
Các học phần bắt buộc				8	
1	POS	502	Triết học	4 (4-0)	1,9,11
Ngoại ngữ (Học viên chọn một trong hai ngoại ngữ sau)					
2	FLS	503	Tiếng Anh chuyên ngành Du Lịch	4 (2-2)	1,10
3	FLS	504	Tiếng Pháp chuyên ngành Du lịch	4 (2-2)	1,10
Các phần tự chọn				2	
4	EC	543	Khoa học quản lý	2 (1-1)	2,5
5	FIE	510	Luật Du lịch Việt Nam và quốc tế	2 (1-1)	1,11
B. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				35 42	
Các học phần bắt buộc				24	
1	ECS	520	Những vấn đề đương đại trong du lịch	3 (2-1)	3,4,8
2	ECS	506	Nhân lực trong Doanh nghiệp du lịch	3 (2-1)	2,3,4,8,9
3	ECS	521	Chiến lược trong Doanh nghiệp du lịch	3 (2-1)	2,3,4,8,9
4	ECS	541	Quản trị tài chính trong DN du lịch	3 (2-1)	2,3,4,8,9
5	BUA	508	Marketing dịch vụ du lịch	3 (2-1)	2,3,4,8,9
6	BUA	510	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh du lịch	3 (2-1)	2,3,4,8,9
7	ECS	522	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	3 (2-1)	2,3,4,8,9
8	ECS	523	Kinh doanh dịch vụ lữ hành và vận chuyển	3 (2-1)	2,3,4,8,9
Các học phần tự chọn				18	
1	ECS	524	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3 (2-1)	3,4,6,7
2	FIE	512	Hành vi tiêu dùng trong du lịch	3 (2-1)	3,4,6,7
3	FIE	513	Quản trị rủi ro trong du lịch	3 (2-1)	3,4,6,7
4	ECS	524	Quản trị MICE	3 (2-1)	3,4,6,7
5	ECS	504	Du lịch bền vững	3 (2-1)	3,4,6,7
6	ECS	527	E - Tourism	3 (2-1)	3,4,6,7
7	FIE	511	Quản lý điểm đến	3 (2-1)	3,4,6,7
8	ECS	525	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch	3 (2-1)	3,4,6,7

C. Đề án/Đồ án tốt nghiệp (Chọn chủ đề và hoàn thiện đề cương; Viết và hoàn thành đề án/đồ án; Bảo vệ đề án/đồ án)				8	
1	EM	601	Đề án /đồ án tốt nghiệp	8	Từ 1-14
Tổng				60	

3.2 Kế hoạch đào tạo

3.2.1 Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh 5 năm đầu

Số lượng học viên dự kiến cho mỗi khóa học trong 5 năm đầu là khoảng 30-40/năm.

3.2.2 Đối tượng tuyển sinh

Tất cả công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Nha Trang đều có thể tham gia tuyển sinh vào chương trình đào tạo thạc sĩ.

3.2.3 Yêu cầu đối với người dự tuyển

Bảng 3.1. Điều kiện về văn bằng và thâm niên công tác chuyên môn

STT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác
1.	Ngành đúng, phù hợp	Không	0
	(1) Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ văn uống		
	(2) Du lịch, Văn hóa du lịch, Du lịch học, Địa lý du lịch, Hướng dẫn Du lịch.		
2.	Ngành gần	Có	1
	(1) Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển.		
	(2) Marketing.		
	(3) Việt Nam học, Tiếng Anh du lịch, Tiếng Pháp du lịch.		
	(4) Tài chính – Ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công).		
	(5) Kế toán (Kế toán doanh nghiệp, Kế toán hành chính sự nghiệp), Kiểm toán.		

3.	Ngành khác	Có	2
	(1) Các ngành thuộc khối kỹ thuật, công nghệ thông tin.		
	(2) Các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.		

Bảng 3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:

Đối với đối tượng tuyển sinh thuộc ngành gần:		
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
	Đại cương Quản trị doanh nghiệp du lịch	2(2-0)
	Kinh tế du lịch	2(2-0)
Đối với đối tượng tuyển sinh thuộc ngành khác:		
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
	Kinh tế du lịch	2(2-0)
	Kinh tế vi mô	2(2-0)
	Đại cương Quản trị doanh nghiệp du lịch	2(2-0)
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(2-0)
	Tâm lý du khách và giao tiếp ứng xử trong du lịch	2(2-0)
	Marketing căn bản	2(2-0)

Bảng 3.3. Các môn thi tuyển

TT	Môn thi
1.	Kinh tế du lịch
2.	Đại cương Quản trị doanh nghiệp du lịch
3.	Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp)

Bảng 3.4. Danh sách các giảng viên phụ trách các học phần

STT	Học phần	Giảng viên
1	Triết học	TS. Nguyễn Hữu Tâm NCS. Ngô Văn An
2	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	TS. Võ Nguyễn Hồng Lam TS. Trần Thị Minh Khánh
3	Tiếng Pháp chuyên ngành du lịch	TS. Nguyễn Duy Sự TS. Phạm Đức Sử
4	Khoa học quản lý	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh

STT	Học phần	Giảng viên
		PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Lê Kim Long
5	Luật du lịch Việt Nam và quốc tế	TS. Lê Việt Phương
6	Những vấn đề đương đại trong du lịch	PGS.TS Lê Chí Công TS. Nguyễn Thị Hồng Đào
7	Nhân lực trong DN du lịch	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Phạm Thế Anh TS. Phan Thị Xuân Hương
8	Quản trị chiến lược trong DN du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy
9	Quản trị tài chính trong DN du lịch	TS. Võ Văn Cần PGS.TS Đỗ Thị Thanh Vinh
10	Marketing dịch vụ du lịch	PGS.TS Hồ Huy Tựu
11	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh du lịch	TS. Nguyễn Văn Ngọc PGS.TS Lê Chí Công
12	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	TS. Nguyễn Thị Hồng Đào TS. Đồng Xuân Đám (mời giảng)
13	Kinh doanh dịch vụ lữ hành và vận chuyển	TS. Nguyễn Thị Hồng Đào PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh (mời giảng)
14	Quản lý điểm đến	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Phạm Hồng Long (mời giảng)
15	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	TS. Nguyễn Văn Ngọc PGS.TS Lê Chí Công
16	Hành vi tiêu dùng trong du lịch	PGS.TS. Hồ Huy Tựu TS. Trần Thị Ái Cẩm
17	Quản trị rủi ro trong du lịch	TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Phạm Thế Anh TS. Trần Thị Ái Cẩm
18	Quản trị MICE	TS. Trần Thị Ái Cẩm PGS.TS Phạm Hồng Long (mời giảng)
19	Du lịch bền vững	PGS.TS Quách Thị Khánh Ngọc TS. Phạm Hồng Mạnh PGS.TS Lê Anh Tuấn (mời giảng)

STT	Học phần	Giảng viên
20	E – Tourism	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh PGS.TS Lê Anh Tuấn (mời giảng)
21	Trách nhiệm xã hội của DN du lịch	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Phạm Hồng Mạnh

**Bảng 3.5. Phụ trách các hướng nghiên cứu/chủ đề chính của
Đề án/đồ án tốt nghiệp**

Hướng nghiên cứu/ Chủ đề chính	Giảng viên	Số lượng học viên có thể tiếp nhận
Hoạch định chiến lược kinh doanh của các DN du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Đồng Xuân Đảm	05
Nâng cao năng lực cạnh tranh của DN du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Đồng Xuân Đảm	05
Quản trị/Phát triển nguồn nhân lực cho các DN du lịch	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Phạm Thế Anh TS. Nguyễn Thị Hồng Đào	03
Sự hài lòng đối với công việc/tổ chức, sự gắn kết, lòng trung thành của nhân viên trong DN du lịch.	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS. Hồ Huy Tụ	03
Trách nhiệm xã hội của các DN du lịch (khách sạn/ khu nghỉ dưỡng/ nhà hàng/ dịch vụ giải trí, hậu cần du lịch)	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Nguyễn Thị Hồng Đào	02
Hành vi tiêu dùng của khách du lịch	PGS.TS. Hồ Huy Tụ TS. Nguyễn Văn Ngọc PGS.TS Lê Chí Công TS. Hoàng Thị Lan Hương	04
Chất lượng dịch vụ của các DN du lịch	PGS.TS. Hồ Huy Tụ TS. Nguyễn Văn Ngọc PGS.TS Lê Chí Công	04

	TS. Hoàng Thị Lan Hương	
Quản trị tài chính (Ra quyết định đầu tư, quyết định tài trợ, quyết định chi trả cổ tức) các DN du lịch	TS. Võ Văn Cẩn PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Đồng Xuân Đảm	03
Quản trị sự biến động (về nhân lực, về cơ hội đầu tư, về biến đổi khí hậu, môi trường kinh doanh, về rủi ro dịch bệnh,...) trong các DN du lịch	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Phạm Thế Anh TS. Trần Thị Ái Cẩm	04
Điểm đến du lịch và sự hài lòng/ ý định quay lại của khách du lịch.	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Phạm Hồng Long TS. Trần Thị Ái Cẩm	03
Vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Phạm Hồng Long (mời giảng) PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh	03
Phát triển du lịch bền vững/ du lịch xanh/đổi mới sáng tạo trong du lịch	PGS.TS Lê Chí Công PGS.TS Phạm Hồng Long PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh PGS.TS. Lê Anh Tuấn TS. Đồng Xuân Đảm	05
Hoạch định chiến lược, xây dựng chính sách phát triển du lịch của địa phương và quốc gia.	TS. Phạm Hồng Mạnh PGS.TS Đỗ Thị Thanh Vinh PGS.TS. Lê Anh Tuấn (mời giảng)	03

3.3 Mô tả các học phần

POS502	Triết học Học phần trang bị cho học viên ba vấn đề cơ bản: <i>Thứ nhất</i> , Khái luận về triết học nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học. <i>Thứ hai</i> , Những nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn được thể hiện trong bản thể luận, phép biện chứng và nhận thức luận. <i>Thứ ba</i> , những nội dung lý luận triết học về xã hội và con người được thể hiện trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, triết học chính trị, ý thức xã hội và triết học về con người.	4 TC (4-0)
FLS502	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch Học phần trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về cách phát âm, ngữ pháp, từ vựng có liên quan đến các chủ đề con người, sở hữu cá nhân, nơi chốn, giải trí, thực phẩm, và tiền tệ. Ngoài ra người học còn được thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống thuộc các chủ đề trên và làm bài tập trực tuyến. Kết thúc học phần, người học có đủ kiến thức và kỹ	4 TC (2-2)

	năng để học tiếp học phần Tiếng Anh 2.	
FLS503	Tiếng Pháp chuyên ngành Du lịch Học phần trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về cách phát âm, nâng cao về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành du lịch như: hành trình và các chuyến đi, thời trang và dáng vẻ bên ngoài, điện ảnh và nghệ thuật, khoa học, du lịch, và trái đất. Ngoài ra, người học còn được thực hành 4 các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói), soạn thảo (đọc, viết) trong những tình huống liên quan đến các chủ đề trên và làm bài tập trực tuyến.	4 TC (2-2)
EC543	Khoa học quản lý Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.	2 TC (1-1)
FIE510	Luật Du lịch Việt Nam và Quốc tế Học phần trang bị cho người học các kiến thức nâng cao về khoa học pháp lý chuyên ngành du lịch. Sự phát triển của khoa học luật hành chính liên quan chặt chẽ với quá trình hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước cùng sự hình thành và phát triển của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý hành chính nhà nước.	2 TC (1-1)
ECS520	Những vấn đề đương đại trong du lịch Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao liên quan đến kinh tế du lịch; các xu hướng trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức quản lý ngành du lịch. Nhằm giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng để giải thích được quan hệ cung - cầu, các tác động, xu hướng trong du lịch từ đó có khả năng vận dụng trong quản lý phát triển ngành du lịch địa phương hoặc doanh nghiệp.	3 TC (2-1)
ECS506	Nhân lực trong doanh nghiệp du lịch Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp du lịch, những vấn đề đương đại trong quản lý nguồn nhân lực ngành dịch vụ du lịch và lễ hành : quản trị sự biến động nhân lực, nghiên cứu tâm lý - hành vi người lao động, chương trình quản lý nhân tài, đánh giá và tạo động lực cho người lao động, lãnh đạo có trách nhiệm ở các doanh nghiệp du lịch, ... ; nhằm giúp cho học viên có kiến thức và khả năng nắm bắt xu hướng mới cũng như thách thức mới trong lĩnh vực này, sử dụng thành thạo các công cụ quản lý hiệu quả nguồn nhân lực doanh nghiệp du lịch.	3 TC (2-1)

ECS521	Chiến lược trong doanh nghiệp du lịch Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về quản trị chiến lược và thực hành chuyên sâu kỹ năng quản trị chiến lược tại các công ty du lịch trong bối cảnh kinh doanh ngày nay như: phân tích tầm nhìn, sứ mạng, phương thức để tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp du lịch, phân tích để xác lập lại thị trường, kỹ năng tư duy hiển thị, sử dụng công cụ xây dựng, triển khai và kiểm soát chiến lược trong thực tế.	3TC (2-1)
EC541	Quản trị tài chính trong doanh nghiệp du lịch Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về vấn đề tài chính và quản trị tài chính trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, ăn uống, lữ hành và dịch vụ khác: phân tích chuyên sâu các báo cáo tài chính; đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; tư vấn ra quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức, nâng cao giá trị thị trường và mức tăng trưởng của doanh nghiệp du lịch. Giúp cho học viên có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ phân tích điểm hòa vốn, lợi nhuận-chi phí; quản lý hiệu quả dòng tiền và tài chính doanh nghiệp du lịch.	3 TC (2-1)
BUA508	Marketing dịch vụ du lịch Học phần này là cung cấp cho học viên những hiểu biết nâng cao về vai trò của dịch vụ trong quá trình xây dựng chiến lược marketing và nâng cao lợi thế cạnh tranh thông qua quá trình duy trì, cải thiện và đổi mới dịch vụ. Học phần sẽ giúp học viên phát triển của tư duy quản trị, khách hàng và trải nghiệm, hoạt động cung cấp dịch vụ, nhân viên trong lĩnh vực dịch vụ cũng như giúp học viên nâng cao nhận thức về văn hóa dịch vụ, hành vi người tiêu dùng và kỹ năng thực hiện hoạt động STP và marketing mix.	3 TC (2-1)
BUA510	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh du lịch Học phần trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị và thực hiện một nghiên cứu cụ thể, nội dung chính bao gồm: các xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu.	3 TC (2-1)
ECS522	Kinh doanh dịch vụ lữ hành và vận chuyển Học phần trang bị những kiến thức nâng cao về lữ hành và vận chuyển gồm: sản phẩm của kinh doanh lữ hành, vận chuyển; thị trường khách của hãng lữ hành; xem xét mối quan hệ giữa các nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, cách thức đàm phán, làm việc với các đơn vị kinh doanh liên quan; những nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hãng lữ hành, cách tiếp cận và phương pháp xây dựng mô hình tổ chức cho hãng lữ hành, chức năng và phạm vi	3 TC (2-1)

	trách nhiệm của một số phòng ban cơ bản trong doanh nghiệp lữ hành; chăm sóc khách hàng; tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình tour và tổ chức bán chương trình tour; quản lý hãng vận chuyên; quản trị nguồn nhân lực; điều luật và quy định trong hãng vận chuyên; hoạt động của hãng hàng không, cruises, tàu hỏa và cho thuê xe du lịch; những rủi ro trong hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành và vận chuyên
ECS523	<p>Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống 3 TC (2-1)</p> <p>Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức liên quan đến công tác quản trị trong một đơn vị kinh doanh lưu trú và dịch vụ ăn uống. Trong đó tập trung vào các nội dung quản trị kinh doanh lưu trú, quản trị nhân sự quản trị bán hàng và Marketing, nghệ thuật lãnh đạo. Ngoài ra học viên nắm rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và các kỹ năng yêu cầu công việc đối với một giám đốc quản trị bộ phận lưu trú cũng như quản lý các bộ phận có liên quan trong kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống.</p>
FIE511	<p>Quản lý điểm đến 3 TC (2-1)</p> <p>Học phần trang bị cho học viên những vấn đề có liên quan đến khái niệm điểm đến du lịch, hệ thống quản lý điểm du lịch, tài nguyên và điểm tham quan của điểm đến, khả năng cạnh tranh của điểm đến du lịch, quảng bá và xúc tiến điểm đến, quy trình lập kế hoạch phát triển điểm đến du lịch, xu hướng của quản trị điểm đến trên thế giới.</p>
ECS523	<p>Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch 3 TC (2-1)</p> <p>Học phần trang bị cho học viên kiến thức một cách hệ thống về các phương pháp tiếp cận lý luận và thực tiễn trong quản lý chất lượng dịch vụ du lịch, bao gồm: các lý thuyết hiện đại quản lý chất lượng dịch vụ du lịch, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 và ISO 1400, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng dịch vụ du lịch, các phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch,..</p>
FIE512	<p>Hành vi tiêu dùng trong du lịch 3 TC (2-1)</p> <p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và nhận thức nâng cao về hành vi tiêu dùng trong du lịch, tập trung vào các phương pháp nghiên cứu hành vi tiêu dùng trong du lịch, tiến trình ra quyết định du lịch, hiểu biết và trải nghiệm du lịch, động cơ du lịch, lựa chọn điểm đến, và các nghiên cứu về hành vi tiêu dùng trong du lịch. Từ đó, học phần hình thành ở người học năng lực nghiên cứu và đề xuất chiến lược marketing phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch đối với ngành, địa phương và doanh nghiệp.</p>

FIE513	Quản trị rủi ro trong du lịch	3 TC (2-1)
	<p>Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao liên quan đến các loại rủi ro và khủng hoảng, các phương pháp nhận diện và đo lường rủi ro, các chiến lược quản lý rủi ro và khủng hoảng trong nhà hàng khách sạn, các phương pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro, mục đích và nội dung của quản trị khủng hoảng, những công việc cần làm trước, trong và sau khi khủng hoảng.</p>	
ECS524	Quản trị MICE	3 TC (2-1)
	<p>Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức về ngành công nghiệp sự kiện và hội nghị như: những loại hình sự kiện phổ biến; những tác động của sự kiện; xu hướng phát triển của ngành sự kiện trên thế giới; tình hình tổ chức sự kiện ở Việt Nam; lập kế hoạch chiến lược cho sự kiện; xây dựng chiến lược Marketing cho sự kiện; quản trị và triển khai dự án sự kiện.</p>	
ECS504	Du lịch bền vững	3 TC (2-1)
	<p>Học phần trang bị kiến thức nâng cao về du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững. Nắm vững các kiến thức nâng cao về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. Nắm vững các kiến thức về định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững. Vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch.</p>	
ECS527	E-Tourism	3 TC (2-1)
	<p>Học phần Du lịch điện tử cung cấp những kiến thức nền tảng khai thác công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch. Học phần này cũng cung cấp cách tiếp cận hệ thống từ góc độ doanh nghiệp về tư duy cho các nhà quản lý, cách thức khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả, sáng tạo để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường du lịch hiện nay.</p>	
ECS525	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch	3 TC (2-1)
	<p>Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về trách nhiệm xã hội trong các doanh nghiệp du lịch (lưu trú, ăn uống, lữ hành và dịch vụ khác), hiểu biết về những mục tiêu mới cho các doanh nghiệp du lịch trong quản lý ở 3 khía cạnh Môi trường, Kinh tế và Xã hội: cần đổi mới trong nhận thức, tư duy, đặt mục tiêu phát triển du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm lên hàng đầu; nâng cao ý thức của đội ngũ lao động về du lịch bền vững, nhằm góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và xã hội. Giúp các học viên nâng cao năng lực nghiên cứu, tư vấn chính sách liên quan đến thực thi trách nhiệm xã hội trong việc khai thác các nguồn lực của doanh nghiệp du lịch.</p>	

EM601	Đề án/Đồ án tốt nghiệp	8 TC (0-8)
<p>Đề án/Đồ án tốt nghiệp là một chuyên đề khoa học hoặc quản lý cụ thể do Trường giao hoặc do học viên tự đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý.</p> <p>Nội dung đề án/đồ án phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của đề án/đồ án phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài. Kết quả nghiên cứu trong đề án/đồ án phải là kết quả lao động của chính học viên, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào khác.</p>		

3.4. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

a) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

Để đảm bảo chất lượng khi vận hành chương trình Thạc sỹ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, bên cạnh số lượng Phó Giáo sư, Tiến sĩ của Khoa Du lịch hiện có như trình bày ở trên, số lượng nghiên cứu sinh của Khoa Du lịch hiện đang nghiên cứu ở các trường đại học trong nước và quốc tế sẽ bổ sung vào đội ngũ hiện có trong thời gian tới bao gồm:

Danh sách các giảng viên, cán bộ cơ hữu của Khoa Du lịch đang thực hiện đề tài nghiên cứu sinh

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Nơi đào tạo	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Thành tích khoa học	Ghi chú
6	Lê Bá Quỳnh Châu, 1990	GV, 2015	NCS, Pháp	Quản trị kinh doanh Du lịch	1 bài hội thảo quốc tế, 1 bài hội thảo cấp quốc gia	NN
7	Huỳnh Cát Duyên, 1989	GV, 2011	NCS, Việt Nam	Du lịch	2 đề tài, 3 bài báo, 1 bài hội thảo quốc tế, 2 bài hội thảo quốc gia	TN
8	Lê Trần Phúc, 1984	GV, 2007	NCS, Việt Nam	Du lịch	1 đề tài, 1 bài báo, 2 bài hội thảo quốc gia	TN

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh, năm QĐ	Nơi đào tạo	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Thành tích khoa học	Ghi chú
9	Đoàn Nguyễn Khánh Trân, 1988	GV, 2010	NCS, Việt Nam	Kinh tế du lịch	3 đề tài, 1 sách chuyên khảo, 5 bài báo, 2 bài hội thảo cấp quốc gia	TN
10	Đặng Thị Phước Toàn, 1991	GV, 2020	NCS, Việt Nam	Quản trị kinh doanh Du lịch	2 bài hội thảo cấp quốc gia	TN

b) Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo:

Hàng năm Trường Đại học Nha Trang thường xuyên đầu tư chi cho cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy và học, tăng số đầu sách trong thư viện, bổ sung thiết bị và dụng cụ thí nghiệm, sửa chữa nhỏ, nâng cấp hệ thống internet, E-learning, số hóa tài liệu, nâng cấp dịch vụ ký túc xá, ... theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí.

c) Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo (trao đổi giảng viên, sinh viên; tham gia giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo...) tổ chức hội nghị, hội thảo và NCKH

- Tăng cường đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ đúng ngành du lịch ở nước ngoài; ưu tiên tuyển dụng cán bộ giảng dạy được đào tạo đúng ngành du lịch ở nước ngoài.
- Củng cố và nâng cao chất lượng ngành đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn (phát triển đào tạo theo hướng POHE); mở rộng các ngành đào tạo Tổ chức sự kiện và truyền thông; Phát triển hình thức đào tạo liên thông, bằng hai; Mở rộng liên kết đào tạo theo mô hình 2+2 với một số trường đào tạo du lịch có uy tín trên thế giới để tạo ra nguồn tuyển sinh đầu vào có chất lượng cho đào tạo Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH của giảng viên và học viên thông qua việc chủ động đề xuất/đấu thầu các đề tài khoa học cấp trường, cấp Tỉnh và cấp Bộ nhằm hướng đến giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với du lịch biển Khánh Hòa, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Hàng năm tổ chức hội thảo khoa học cấp quốc gia/cấp Trường/cấp Khoa chuyên về du lịch. Phấn đấu

mỗi năm có các công trình NCKH được xuất bản trên Tạp chí quốc tế về du lịch có uy tín.

- Chú trọng liên kết với một số Khoa, Viện có thế mạnh trong trường (Khoa Kinh tế, Khoa Kế toán Tài chính, Khoa Công nghệ thực phẩm...) để phát triển các chương trình đào tạo có liên quan du lịch, âm thực ở cấp độ đại học và sau đại học. Đồng thời gia tăng phối hợp công tác giảng dạy, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Thủy sản kết hợp với du lịch đang là lợi thế của Trường hiện nay.
- Chú trọng hơn nữa liên kết với các cơ sở kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học viên Cao học trong quá trình kiến tập, thực tập, đi thực tế, cơ hội làm việc; mời doanh nghiệp tham gia giảng dạy cũng như cùng giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn kinh doanh du lịch.
- Duy trì và phát triển hoạt động hợp tác quốc tế trong xây dựng chương trình đào tạo đại học, sau đại học và thực hiện các dự án nghiên cứu liên quan đến du lịch và kinh tế biển. Đồng thời, duy trì nhóm phụ trách Hợp tác đối ngoại (HTĐN) và khuyến khích các cán bộ viên chức tham gia để nâng cao năng lực và kinh nghiệm thực hiện các hoạt động HTĐN.

d) Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng học viên cao học tốt nghiệp.

Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương, khai thác các mối quan hệ của học viên cao học đang làm việc ở các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nhằm duy trì và phát triển mạnh chương trình đạo tạo, hợp tác nghiên cứu khoa học.

e) Mức học phí:

Theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP về học phí và theo quyết định của Nhà trường: 33.000.000 đồng/toàn khóa.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)